

- Vốn sự nghiệp: 6.700 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư phát triển: 1.250 tỷ đồng;
- Vốn khác (đóng góp của người dân, doanh nghiệp, hỗ trợ quốc tế): 2.500 tỷ đồng;
- Vốn tín dụng: 24.250 tỷ đồng.

Giai đoạn 2026-2030: 33.700 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn sự nghiệp: 6.700 tỷ đồng;
- Vốn đầu tư phát triển: 1.250 tỷ đồng;
- Vốn khác (đóng góp của người dân, doanh nghiệp, hỗ trợ quốc tế): 2.500 tỷ đồng;
- Vốn tín dụng: 24.250 tỷ đồng.

e) Phân công thực hiện:

Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp với Ủy ban Dân tộc, các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện;

Bộ Y tế phối hợp với Bộ NN&PTNT triển khai các nhiệm vụ xác định nhu cầu dinh dưỡng cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình; giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 2 tuổi ở vùng đồng bào DTTS&MN.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện ở địa phương.

2. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (văn bản số 1252/LĐTĐBXH-KHTC ngày 10/4/2020)

Cơ bản thống nhất với Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

Một số ý kiến cụ thể:

a) Về tổng quan:

- Rà soát, làm rõ đối tượng thụ hưởng trực tiếp, gián tiếp; địa bàn thực hiện cụ thể (xã khu vực I, II và III hoặc thôn, bản); nội dung hoạt động tập trung giải quyết các vấn đề cấp bách, bức thiết, ưu tiên. Cân nhắc khả năng bố trí kinh phí đối với từng dự án, tiểu dự án.

- Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn (Xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn): cần ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng; tạo sinh kế; phát triển nguồn nhân lực và các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, từng bước thu hẹp khoảng cách so với vùng phát triển.

- Đối với các địa bàn còn khó khăn (Xã khu vực II): tập trung tạo sinh

kế; đầu tư bổ sung cơ sở hạ tầng còn thiếu hụt và các chính sách đảm bảo an sinh xã hội.

- Đối với các địa bàn bước đầu phát triển (Xã khu vực I): thực hiện chính sách đối với con người thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo.

- Bổ sung kết quả đầu ra dự kiến đối với từng dự án, tiểu dự án để làm cơ sở đánh giá hiệu quả đầu tư của từng dự án, tiểu dự án.

b) Các dự án cụ thể:

* Tiểu dự án 5.3 (trang 31-33):

- Tên tiểu dự án: đề nghị sửa thành “*Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm đối với người lao động DTTS&MN*” để đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ của Chính phủ giao cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Điểm I, Khoản 2 của Nghị quyết số 12/NQ-CP.

- Về nội dung:

+ Mục tiêu cụ thể, đề nghị bổ sung như sau:

Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; Hỗ trợ thanh niên DTTS sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

Phân đầu đến năm 2030, có khoảng 10.000 người lao động DTTS&MN trong độ tuổi được hỗ trợ đào tạo để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong đó có khoảng 6.500 lao động xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài.

+ Đối tượng của Chương trình, đề nghị bổ sung như sau: Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

+ Các nội dung, hoạt động chủ yếu, đề nghị thay thế như sau:

(i) Nội dung:

- rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm phù hợp với điều kiện vùng DTTS&MN;

- Tổ chức đào tạo theo đặt hàng đào tạo chất lượng cao, gắn đào tạo với vị trí việc làm và nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp hoặc làm nông nghiệp công nghệ cao; đào tạo theo nhu cầu lao động của xã hội (khắc phục tình trạng chỉ dạy những nghề mà trường có giáo viên) theo hướng hỗ trợ sau đào tạo. Học xong có việc làm sẽ được nhà nước hỗ trợ kinh phí hộ gia đình đã bỏ ra để học nghề. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo, sử dụng lao động địa phương.

- Phát triển đa dạng các hình thức đào tạo nghề nghiệp phù hợp với điều

kiện tự nhiên và tập quán dân cư vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt khó khăn; phát triển mạnh các hình thức đào tạo nghề, tập trung đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng phù hợp với từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; tăng cường dạy tại chỗ; dạy nghề theo hình thức kèm cặp, cầm tay chỉ việc, truyền nghề tại các làng nghề, tạo điều kiện cho đồng bào DTTS tham gia học nghề để phổ cập nghề và tạo việc làm.

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo như: đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, chương trình, giáo trình, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, nhất là các trường dân tộc nội trú, trường chất lượng cao.

- Phát triển thị trường lao động, kết nối cung cầu, đẩy mạnh cho vay vốn ưu đãi đối với lao động sau đào tạo nghề để giải quyết việc làm hoặc vay vốn để khởi nghiệp từ Quỹ quốc gia về việc làm; Hỗ trợ giải quyết việc làm trong và ngoài nước.

(ii) Các hoạt động cụ thể:

Hoạt động 01: Xây dựng các mô hình đào tạo nghề, đặt hàng đào tạo nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán của vùng đồng bào DTTS&MN gắn với giải quyết việc làm và hiệu quả việc làm sau đào tạo.

Hoạt động 02: Hỗ trợ đào tạo nghề, gồm:

- + Đào tạo mới;
- + Đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức kỹ năng; đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho người lao động khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp;
- + Đào tạo nhằm chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động; đào tạo để đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài;
- + Đào tạo nghề nghiệp tại doanh nghiệp...; đào tạo nghề nhằm phát triển thị trường được liệu quý.

Chính sách hỗ trợ đào tạo:

- + Đối với người học trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 03 tháng: Hỗ trợ chi phí đào tạo; Hỗ trợ tiền ăn; tiền đi lại. Mức hỗ trợ theo quy định tại chính sách hỗ trợ đào tạo sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng);
- + Đối với học sinh, sinh viên học trung cấp, cao đẳng: thực hiện theo chính sách hỗ trợ nội trú.

Hoạt động 03: Tăng cường các điều kiện đảm bảo cho giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đào tạo, gồm:

- + Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; Đào tạo bồi dưỡng tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, người dạy nghề vùng DTTS&MN.

+ Phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo.

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn các tỉnh thuộc 04 vùng (Tây bắc, Tây Duyên hải và miền trung; Tây Nguyên và Tây Nam bộ) để hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm trang thiết bị đào tạo các ngành, nghề trọng điểm.

Hoạt động 04: hỗ trợ người lao động thuộc vùng đồng bào DTTS học nghề, học ngoại ngữ để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Mục tiêu:

Tăng số lượng, nâng cao chất lượng cho người lao động thuộc các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương.

+ Đối tượng:

Người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào DTTS&MN có nhu cầu đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng.

Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; các tổ chức; cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

+ Nội dung hỗ trợ:

(i) Hỗ trợ học nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo; hỗ trợ tiền đi lại trong thời gian tham gia đào tạo, trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; hỗ trợ chi phí khám sức khỏe; làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

(ii) Vay vốn tại Ngân hàng CSXH để đi làm việc ở nước ngoài;

(iii) Hỗ trợ tuyên truyền, giới thiệu, tư vấn về đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cho người lao động và thân nhân.

(iv) Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài và tuyên truyền viên cơ sở;

+ Cơ chế hỗ trợ người lao động:

(i) Thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở, trang cấp ban đầu, đi lại và các thủ tục xuất cảnh cho người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ thông qua cơ chế đặt

hàng với các cơ sở dạy nghề, ngoại ngữ hoặc doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

(ii) Thực hiện hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở, trang cấp ban đầu, đi lại và các thủ tục xuất cảnh cho người lao động trực tiếp cho người lao động khi người lao động đã có đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài.

(iii) Người lao động có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được vay tối đa bằng 100% giá trị hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp tại Ngân hàng CSXH. Lãi suất vay vốn bằng lãi suất cho vay đối với người nghèo theo quy định hiện hành.

Hoạt động 05. Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số

+ Mục tiêu:

Hỗ trợ lao động là người DTTS tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm.

+ Đối tượng:

(i) Lao động là người DTTS có nhu cầu tìm kiếm thông tin việc làm, nghề nghiệp; ưu tiên lao động thanh niên dân tộc thiểu số.

(ii) Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm.

+ Nội dung hỗ trợ:

(i) Tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động; ứng dụng công nghệ thông tin trên nền tảng điện thoại, mạng xã hội... để cung cấp thông tin việc làm, nghề nghiệp cho lao động tại các địa bàn thực hiện Chương trình;

(ii) Tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động là người DTTS làm việc tại khu vực biên giới theo các Thỏa thuận/chương trình hợp tác;

(iii) Hỗ trợ kết nối việc làm cho lao động;

(iv) Hỗ trợ tổ chức các hoạt động kết nối việc làm của các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm: hỗ trợ chi phí dịch vụ cho các trung tâm, cơ sở trong việc giới thiệu, tìm kiếm, kết nối việc làm cho người lao động; tổ chức các hội chợ việc làm, sàn/phiên giao dịch việc làm vệ tinh, lưu động, các hình thức quảng bá thông tin việc làm tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Cơ chế hỗ trợ:

(i) Thực hiện hỗ trợ thông qua hệ thống các trung tâm dịch vụ việc làm,

cơ sở giới thiệu, tìm kiếm, kết nối việc làm cho người lao động (dựa trên số lao động đã tìm được việc làm) theo cơ chế đặt hàng.

(ii) Hỗ trợ trực tiếp chi phí đi lại, ăn ở cho người lao động tìm được việc làm tại các hoạt động hội chợ việc làm, sàn/phiên giao dịch việc làm vệ tinh lưu động, các chương trình thi tuyển, phỏng vấn việc làm.

- Hoạt động 06: Tuyên truyền tư vấn khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cho người lao động. Giám sát đánh giá.

Về vốn và nguồn vốn

Để đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của NSNN, điều chỉnh giảm nguồn lực dự kiến thực hiện đã đề xuất về việc đề xuất nội dung tiêu dự án 3 thuộc dự án 5.

Tổng kinh phí đề xuất giai đoạn 2021-2030 là 30.550 tỷ đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương là 22.200 tỷ đồng (giai đoạn 2021-2025 là 14.450 tỷ đồng, vốn đầu tư: 2.200 tỷ đồng và vốn sự nghiệp: 12.250 tỷ đồng).

- Ngân sách địa phương: 8.350 tỷ đồng vốn sự nghiệp (giai đoạn 2021-2025 là 5.175 tỷ đồng).

3. Bộ Tài chính (văn bản số 4266/BTC-ĐT ngày 09/4/2020)

a) Sự cần thiết của Chương trình: Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình chưa đánh giá về các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Đề nghị bổ sung phân tích rõ các quy hoạch và sự phù hợp của các quy hoạch có liên quan.

b) Mục tiêu, phạm vi, đối tượng của Chương trình:

- Về các mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và đến năm 2030: rà soát cho phù hợp với điểm b và c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 88/2019/QH14.

- Về đối tượng: Rà soát đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung của địa phương thực hiện Chương trình. Làm rõ sự khác nhau giữa “*đối tượng điều chỉnh*” quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 với “*đối tượng thực hiện*” Chương trình. Trên cơ sở đó, xem lại nhóm đối tượng “*nhóm hộ và cộng đồng trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN*”, đối tượng “*hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào DTTS&MN*”. Ngoài ra, đề nghị phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để dự thảo rõ đối tượng nghèo được hỗ trợ tại các dự án, tiêu dự án của Chương trình là nghèo theo tiêu chí thu nhập hay nghèo đa chiều, đảm bảo nguyên tắc thiếu hụt chiều nào (dịch vụ xã hội cơ bản nào) thì hỗ trợ chiều ấy. Đồng thời, rà soát bổ sung đối tượng là các cơ quan hành chính các cấp trong tổ

chức thực hiện Chương trình.

- Về tiêu chí xác định thôn, xã đặc đặc biệt khó khăn (trang 50-51): Đề nghị cân nhắc bỏ nội dung liên quan đến tiêu chí phân định thôn, xã đặc biệt khó khăn trong Chương trình.

c) Dự kiến tổng mức vốn, cơ cấu nguồn lực thực hiện, kế hoạch bố trí vốn và tiến độ thực hiện Chương trình:

Theo Đề án Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 trình Quốc hội, tổng kinh phí giai đoạn 2021-2025 là 234.794 tỷ đồng (năm 2021 là 33.542 tỷ đồng, năm 2022 là 50.313 tỷ đồng, năm 2023 là 50.313 tỷ đồng, năm 2024 là 50.313 tỷ đồng, năm 2025 là 50.313 tỷ đồng); giai đoạn 2026-2030 là 100.626 tỷ đồng bao gồm các nguồn: đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp và vốn tín dụng chính sách.

Theo Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình, tổng nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 339.544 tỷ đồng, cao hơn kinh phí thực hiện Đề án là 104.750 tỷ đồng; giai đoạn 2025-2030 là 264.520 tỷ đồng, cao hơn kinh phí thực hiện Đề án là 163.894 tỷ đồng.

Kinh phí đề xuất tại Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình quá lớn, không khả thi, vượt quá khả năng cân đối NSNN, đặc biệt trong điều kiện kinh tế năm 2020-2021 dự kiến gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh (đặc biệt là dịch Covid-19) ảnh hưởng lớn đến cân đối thu, chi NSNN. Trong kế hoạch ngân sách trung hạn vốn kế hoạch 3 năm 2020-2022 báo cáo Quốc hội (chưa cập nhật tác động của dịch bệnh Covid-19), chi thường xuyên ngân sách trung ương chỉ tăng khoảng 9,4%/năm. Trong khi riêng dự kiến kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương cho Chương trình đã chiếm khoảng 40% số tăng chi (khoảng 18.200 tỷ đồng/năm), vượt quá khả năng cân đối của ngân sách trung ương, ảnh hưởng lớn đến nguồn lực bố trí cho các nhiệm vụ quan trọng khác như quốc phòng, an ninh, các nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội khác ngoài phạm vi của Chương trình.

Đề nghị Ủy ban dân tộc nghiên cứu đề xuất tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình cho phù hợp, tối đa bằng tổng nguồn vốn thực hiện Đề án đã được Quốc hội thông qua. Trên cơ sở đó, rà soát lại toàn bộ nguồn vốn thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

- Về xác định vốn và nguồn vốn thực hiện các dự án của Chương trình: Đề nghị điều chỉnh các thuật ngữ vốn cho phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật NSNN, như: “đầu tư” thành “đầu tư phát triển” và vốn “sự nghiệp”, “sự nghiệp kinh tế” thành “vốn chi thường xuyên”.

- Về vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN:

Hiện nay, Bộ KH&ĐT đang chủ trì xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, Bộ KH&ĐT đang chủ trì dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Việc hỗ trợ vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công và quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Về vốn ngân sách trung ương: Đề nghị bổ sung cơ sở xác định nguồn lực, cơ cấu nguồn lực theo tiến độ thực hiện của Chương trình, nguyên tắc phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, xác định thứ tự ưu tiên dự án cần đầu tư bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách trung ương.

- Về vốn ODA, huy động từ quốc tế:

Hiện nay, Bộ Tài chính đã ký 2 Hiệp định vay: Hiệp định vay với WB để hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, cơ quan chủ quản là Bộ NN&PTNT. Hiệp định vay với ADB để hòa đồng vào NSNN thực hiện nội dung số 7, thành phần 2 về phát triển KT-XH trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, cơ quan chủ quản là Bộ Y tế.

Việc huy động vốn ODA, huy động từ quốc tế khó khả thi trong điều kiện cho đến nay các nhà tài trợ chưa có cam kết tài trợ cho Chương trình tại giai đoạn này. Mặt khác, hiện nay điều kiện vay nước ngoài ngày càng giảm tính ưu đãi, trong đó có những khoản vay không còn là khoản vay ODA theo quy định của phía Việt Nam.

- Về vốn chi thường xuyên:

Dự thảo Chương trình có tích hợp một số các chính sách hiện hành quy định tại các văn bản như: Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào DTTS nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2017-2020, Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 và Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở hộ nghèo giai đoạn 2011-2015 và hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lũ lụt khu vực miền trung, Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025*”, ...

Tuy nhiên, theo dự thảo thì định mức hỗ trợ tăng so với hiện hành như: hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán tăng từ 1,5 triệu đồng/hộ lên 3 triệu đồng/hộ (tăng 02 lần), nước sinh hoạt tập trung tăng từ 1,3 tỷ đồng lên 3 tỷ đồng/công trình (tăng 2,3 lần), hỗ trợ đất sản xuất tăng từ 30 triệu đồng lên 100 triệu đồng/hộ (tăng 2,3 lần), hỗ trợ nhà ở từ cho vay 25 triệu đồng/hộ lên 60 triệu đồng/hộ (các nguồn NSNN, cho vay, huy động, ...), các mức hỗ trợ đối với các nội dung thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 tăng từ 1,5 - 2 lần trong giai đoạn 2021-2025.

Mức hỗ trợ tăng cao, nhưng chưa giải trình cụ thể căn cứ. Đề nghị làm rõ cơ sở xác định như câu kinh phí, nghiên cứu, quy định mức hỗ trợ đảm bảo phù hợp với tổng mức kinh phí thực hiện các dự án, tiểu dự án (sau khi đã rà soát lại tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình tại điểm 3.3 nêu trên) và mục tiêu của Chương trình đề ra đến năm 2025 và năm 2030.

- Về vốn tín dụng đầu tư phát triển:

Báo cáo ĐXCĐT Chương trình đề xuất các chương trình tín dụng chính sách triển khai qua Ngân hàng CSXH như: hỗ trợ đất ở, hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ đất sản xuất, hỗ trợ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm,... Đề nghị làm rõ nguồn vốn để thực hiện các dự án triển khai qua Ngân hàng CSXH (nguồn vốn tín dụng chính sách) là nguồn vốn do NSNN cấp hay nguồn vốn do Ngân hàng CSXH phải huy động. Ngoài ra, cần bổ sung đánh giá tác động của việc triển khai thực hiện các đề án này đến nguồn vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý mà NSNN phải cấp bù cho Ngân hàng CSXH để triển khai thực hiện.

Ngoài ra, hiện nay tại Ngân hàng CSXH, bên cạnh những chương trình tín dụng chính sách dành riêng cho đối tượng dân tộc, còn có rất nhiều chính sách ưu đãi khác cũng bao gồm đối tượng thụ hưởng là đồng bào dân tộc như: Chương trình cho vay hộ nghèo, Chương trình cho vay đối với hộ cận nghèo, Chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên, Chương trình cho vay nước sạch vệ sinh và môi trường nông thôn,... Trong giai đoạn 2021-2030, đề nghị Ủy ban dân tộc rà soát, sắp xếp lại các chương trình tín dụng ưu đãi đối với đồng bào dân tộc tránh tình trạng chồng chéo, trùng lặp, phân tán, làm giảm hiệu quả của các chính sách. Đồng thời, cần tính toán khả năng cân đối bố trí vốn của NSNN, của Ngân hàng CSXH và tính khả thi khi triển khai thực hiện Chương trình trước khi trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chương trình tín dụng chính mới tránh tình trạng chính sách được ban hành không có nguồn để triển khai thực hiện, hoặc không hiệu quả.

- Về vốn huy động hợp pháp từ doanh nghiệp:

+ Để huy động mọi nguồn lực thực hiện Chương trình, có giải pháp nhằm kích thích, khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư của doanh nghiệp và tư nhân dưới mọi hình thức, việc huy động hợp pháp của các doanh nghiệp là cần thiết.

+ Theo Báo cáo ĐXCTĐT, từng dự án trong Chương trình đã ước tính số vốn huy động của các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác. Đề nghị cần có đánh giá tính khả thi về số vốn huy động từ các nguồn vốn này.

d) Phân chia các dự án thành phần của Chương trình

- Các dự án và tiểu dự án của Chương trình có nhiều nội dung trùng với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững. Đề nghị phối hợp với Bộ NN&PTNT, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để có đánh giá việc thực hiện trong thời gian qua. Qua đó, đề xuất các mục tiêu, nội dung, giải pháp, lồng ghép nguồn vốn để tránh trùng lặp, phát huy hiệu quả trong quá trình thực hiện.

- Về phân công thực hiện các Dự án thành phần: đề nghị rà soát các đơn vị (bộ, ngành) cho phù hợp với phân công nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-CP.

- Dự án 1:

Mục tiêu: đề nghị bỏ mục tiêu về tỷ lệ hộ nghèo, thu nhập bình quân, đào tạo nghề vì mục tiêu chưa phù hợp với nội dung của dự án, đồng thời các mục tiêu này trùng với mục tiêu của Dự án 3, Dự án 5. Bổ sung tỷ lệ % hộ đồng bào DTTS được hỗ trợ đất ở, nhà ở.

Đối tượng: đề nghị quy định rõ là đối tượng được hỗ trợ của Dự án.

- Dự án 3: tiểu dự án 3.2:

Nội dung “*đầu tư phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị*” (trang 69, 70): Đề nghị không quy định “*tất cả các thành viên trong nhóm đều được hỗ trợ như nhau*” vì về nguyên tắc, nhà nước chỉ hỗ trợ đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia dự án; đối với hộ không nghèo chỉ được hưởng lợi theo kết quả đầu ra (nếu có). Về phân công thực hiện, để đảm bảo tính chính xác, đề nghị sửa lại theo hướng Ủy ban dân tộc phối hợp với Bộ NN&PTNT hướng dẫn về mặt chuyên môn (quy trình xây dựng và thực hiện dự án), mức chi do Bộ Tài chính quy định.

Nội dung “*đầu tư vùng trồng sâm Ngọc Linh và dược liệu quý*” (trang 71 đến trang 77): Đề nghị không quy định việc hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình đối với nội dung miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê dịch vụ môi trường rừng, miễn lệ phí môn bài, miễn phí làm thủ tục hành chính thuế và chế

độ kế toán.

Nội dung “*Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN*” (trang 77 đến trang 80): Đề nghị không quy định việc hỗ trợ từ nguồn vốn Chương trình đối với nội dung kinh phí bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội cho người dân tộc thiểu số.

- Dự án 5: Tiêu dự án 3 (trang 90 đến trang 95): Đề nghị quy định cụ thể đối tượng được hỗ trợ giải quyết việc làm là “*thanh niên vùng DTTS&MN*”. Bổ nhiệm vụ “*rà soát, xây dựng, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp*” vì đây là nhiệm vụ thường xuyên quản lý nhà nước, không thuộc nội dung đầu tư của Chương trình. Không quy định cụ thể hình thức hỗ trợ (theo phương thức đặt hàng) như dự thảo để linh hoạt trong triển khai thực hiện. Về nguồn vốn, đối với mỗi hoạt động, đề nghị quy định rõ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư phát triển.

- Dự án 7: Đề nghị xem lại nội dung hoạt động 1.1 và 1.2 (trang 10) vì nội dung và tiêu đề chưa phù hợp, dự thảo ngắn gọn và rõ nội dung hỗ trợ hơn.

- Dự án 8: Đề nghị bỏ nhiệm vụ “ *nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi, bổ sung các chính sách có liên quan đến bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ*” (trang 111) vì đây là nhiệm vụ thường xuyên quản lý nhà nước, không thuộc nội dung đầu tư của Chương trình.

- Dự án 9: Đề nghị dự thảo cụ thể nội dung hỗ trợ về lương thực, xây dựng nông thôn mới, đất ở, đất sản xuất và phát triển sản xuất, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đặc sắc, hỗ trợ về giáo dục và y tế đối với các dân tộc Mảng, Cống, La Hủ, Cờ Lao và người DTTS Đan Lai tại Vườn Quốc gia Pù Mát, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

- Dự án 10:

Tiêu dự án 1: Đề nghị bỏ nhiệm vụ “*Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách*” vì đây là nhiệm vụ thường xuyên quản lý nhà nước, không thuộc nội dung đầu tư của Chương trình. Ngoài ra, đề nghị bỏ các nhiệm vụ nhưng thực chất là các giải pháp thực hiện Chương trình như: nhiệm vụ “*tận dụng tối đa các cơ sở hạ tầng, trang thiết bị sẵn có thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào DTTS tiếp cận và ứng dụng công nghệ thông tin*” (trang 125), nhiệm vụ “*Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn về ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo kết nối đồng bộ, thông suốt, ... đến địa phương*” (trang 126), nhiệm vụ “*phát triển các hình thức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin trong lĩnh vực công tác dân tộc*” (trang 127).

Tiêu dự án 2: Theo quy định tại Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày

25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; việc thành lập quỹ cần có ít nhất 03 sáng lập viên với số vốn góp ban đầu của các sáng lập viên là 6,5 tỷ đồng đối với quỹ hoạt động trên phạm vi toàn quốc. Ngoài ra, khoản 6 Điều 9 Nghị định nghiêm cấm sử dụng NSNN, sử dụng hoặc hỗ trợ tài sản được NSNN giao hoặc có nguồn gốc từ NSNN để tham gia đóng góp tài sản thành lập Quỹ. Bộ Nội vụ là cơ quan ra Quyết định thành lập quỹ. Do vậy, đề nghị Ủy ban dân tộc làm rõ cơ chế hoạt động của quỹ đảm bảo khả thi và phù hợp với quy định hiện hành. Ngoài ra, việc ủng hộ quỹ xã hội, quỹ từ thiện là hoạt động tự nguyện nên đề nghị không quy định cụ thể số tiền tối thiểu đóng góp của các hội viên nông dân, cán bộ, công chức, viên chức, ngân hàng như dự thảo.

đ) Đánh giá hiệu quả của Chương trình:

Trong Chiến lược phát triển KT-XH và bảo đảm quốc phòng - an ninh, Đảng và Nhà nước ta đã xác định vùng đồng bào DTTS khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải Miền trung là những khu vực trọng yếu, giữ vị trí chiến lược quan trọng của đất nước. Do đó, đề nghị bổ sung đánh giá hiệu quả về chính trị, quốc phòng - an ninh của Chương trình.

e) Giải pháp tổ chức thực hiện

- Về giải pháp thực hiện Chương trình: đề nghị rà soát các nội dung liên quan đến quản lý, điều hành thực hiện Chương trình (xây dựng, lập, giao kế hoạch, huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn, theo dõi, kiểm tra, đánh giá,...) để thực hiện thống nhất theo Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình MTQG (hiện nay là Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Về trách nhiệm của các đơn vị: đề nghị rà soát trách nhiệm của các đơn vị chủ trì và phối hợp phù hợp với Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ.

- Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban dân tộc: *chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo quy định của Luật NSNN và Luật Đầu tư công.*

- Sửa lại trách nhiệm của Bộ Tài chính như sau: *Chủ trì thẩm định, trình cấp có thẩm quyền bố trí vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình. Chủ trì xây dựng và ban hành quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình.*

g) Một số các nội dung khác:

- Về một số các chính sách giai đoạn 2021-2030:

Đối với những chính sách cần thiết tiếp tục điều chỉnh, bổ sung để thực hiện trong giai đoạn 2021-2030: Không tiếp tục thực hiện các chính sách đã hết thời gian thực hiện (Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015,...). Trường hợp một số chế độ, chính sách chưa bố trí đủ vốn thực hiện (nếu có) và đối tượng thuộc chương trình MTQG khác (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững), đề nghị bố trí trong các chương trình MTQG đó.

Đối với việc không tiếp tục áp dụng các chính sách: Đề nghị không tiếp tục thực hiện các chính sách đã bố trí đủ vốn và đã hết hiệu lực thực hiện (như đã nêu trên), các chính sách đã được cấp có thẩm quyền bãi bỏ (Quyết định số 25/2018/QĐ-TTg ngày 06/6/2018 bãi bỏ Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, ...).

- Về đánh giá thực trạng KT-XH (trang 17 đến trang 34):

Trên cơ sở các dự án, tiểu dự án của Chương trình đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 để bổ sung đánh giá về tình hình thực hiện bình đẳng giới và các vấn đề đối với phụ nữ và trẻ em vùng đồng bào DTTS&MN.

Điểm c khoản 1 mục II phần thứ II (trang 19) dẫn chiếu số liệu thu ngân sách của 51 địa phương vùng đồng bào DTTS&MN năm 2017. Để đảm bảo tính cập nhật số liệu, đề nghị dẫn chiếu số liệu dự toán năm 2019 và năm 2020.

- Về quan điểm thực hiện Chương trình (trang 42, 43): Đề nghị rà soát cho phù hợp với quan điểm tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030. Bỏ đoạn “*nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội*” tại điểm a khoản 2 mục I phần III (trang 42), “*đầu tư phát triển KT-XH đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, nguồn nước, hệ động thực vật, đa dạng sinh học*” tại điểm d khoản 2 mục I phần III (trang 43).

- Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN (trang 43 đến trang 50): Nội dung phát triển kinh tế mới đề cập đến phát triển các ngành kinh tế, do đó đề nghị bổ sung thêm thu nhập bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế, thu ngân sách, tỷ lệ hộ nghèo. Nội dung về lĩnh vực văn hóa - xã hội đề nghị sắp xếp các nội dung cho phù hợp: chuyển giáo dục nghề nghiệp vào nội dung giáo dục - đào tạo, chuyển dân số và lao động việc làm thành một nội dung.

- Về giải pháp chủ yếu về phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN (trang 50): tiêu đề là giải pháp, tuy nhiên nội dung lại là tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn. Đề nghị điều chỉnh tiêu đề và nội dung cho thống nhất.

4. Bộ Giáo dục & Đào tạo (văn bản số 1021/BGDĐT-GDDT ngày 24/3/2020)

Đồng ý với hồ sơ Báo cáo ĐXCĐT Chương trình gồm: Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 19/02/2020 của Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt báo cáo ĐXCĐT Chương trình; Báo cáo ĐXCĐT Chương trình; Báo cáo thẩm định nội bộ và Các văn bản pháp lý.

5. Bộ Công thương (văn bản số 2137/BCT-KH ngày 25/3/2020)

- Về tổng thể cân bố cục lại nội dung Báo cáo ĐXCĐT Chương trình để bảo đảm phù hợp với quy định tại Điều 29 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Về danh mục hồ sơ lấy ý kiến thẩm định hiện chưa có tài liệu thẩm tra chủ trương đầu tư Chương trình theo quy định tại Điều 21 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Về nội dung, Bộ Công Thương thống nhất với Báo cáo ĐXCĐT Chương trình.

6. Bộ Nội vụ (văn bản số 1518/BNV-TH ngày 25/3/2020)

a) Về bố cục, nội dung: Cơ bản thống nhất nội dung ĐXCĐT Chương trình.

b) Một số ý kiến cụ thể:

* Về tiểu Dự án 2 (trang 29): Tại mục b, phân đối tượng: Đề nghị tách riêng đối tượng là học sinh, sinh viên và cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện chính sách theo đúng quy định hiện hành.

Theo Quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 24/04/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố không quy định cán bộ thôn mà chỉ có người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Đề nghị nghiên cứu sử dụng thuật ngữ cho đúng với quy định hiện hành.

* Về tiểu Dự án 3 (trang 31):

- Tại mục a, phần mục tiêu cụ thể: Đề nghị thay cụm từ “*giao nhiệm vụ*” thành “*giải quyết việc làm*” cho thống nhất với nội dung mục tiêu chung của tiểu Dự án.

- Tại mục b, phân đối tượng: Đề nghị thống nhất và làm rõ đối tượng giáo

dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm là cho thanh niên hay người lao động vùng DTTS và MN. Vì đối tượng lao động là thanh niên theo độ tuổi “*từ 16 đến 30 tuổi*” (Điều 1, Luật Thanh niên năm 2005), trong đó “*người lao động là người đủ từ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động, làm việc theo hợp đồng lao động, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động*” (Khoản 1, Điều 3, Bộ Luật Lao động năm 2012). Nếu đối tượng lao động là thanh niên thì bổ sung cụ thể “*người lao động là thanh niên*” cho rõ đối tượng áp dụng.

-Tại mục c, phần nội dung thực hiện: Đề nghị bổ sung phạm vi áp dụng được quy định, phê duyệt tại văn bản, quyết định nào, không viết chung chung “*các địa phương vùng DTTS và MN*” và tách phạm vi thực hiện ra nội dung riêng không ghép vào nội dung thực hiện.

Đề nghị tách các nội dung, hoạt động chủ yếu của tiêu dự án thành một mục riêng, vì đây là nội dung cốt lõi của Dự án, đồng thời đề nghị nghiên cứu, bổ sung các nội dung sau:

+ Tại ý thứ 2 của phần nội dung: “*Tổ chức đào tạo theo đặt hàng đào tạo chất lượng cao, gắn đào tạo với vị trí việc làm,... Học xong có việc làm sẽ được nhà nước hỗ trợ kinh phí hộ gia đình đã bỏ ra để học nghề. Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đào tạo, sử dụng lao động địa phương*”, đề nghị nghiên cứu lại lộ trình và cách thức hỗ trợ phù hợp theo quy định.

+ Tại ý thứ 3 của phần nội dung đề nghị bổ sung cấp chứng chỉ cho người học sau khi tham gia các lớp đào tạo nghề được công nhận trong thời gian được đào tạo ngắn hạn giúp cho người người lao động là thanh niên DTTS tìm được việc làm phù hợp.

-Tại mục d, phần phân công thực hiện: Đề nghị bổ sung tiến độ thực hiện dự án theo các giai đoạn cụ thể. Vì dự án chia làm 2 giai đoạn nên sau khi kết thúc giai đoạn 1 phải có sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để triển khai ở giai đoạn 2.

-Tại mục e, phần vốn và nguồn vốn: Sau khi làm rõ đối tượng áp dụng giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm và xác định phạm vi đối tượng để làm căn cứ xây dựng dự toán thực hiện.

-Về Dự án 8 (trang 40): Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Tại mục d, phần phân công thực hiện: Đề nghị cân nhắc cơ quan được phân công chủ trì, vì cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em đang được

Chính phủ giao Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội làm đầu mối thực hiện.

*Về tiểu Dự án 2 (trang 57) trong Dự án 10:

Việc đề xuất thành lập một tổ chức Quỹ từ thiện hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm mục đích hỗ trợ khắc phục sự số do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn, cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ cho đối tượng thuộc diện khó khăn, yếu thế cần sự hỗ trợ, giúp đỡ của xã hội; hỗ trợ người dân nghèo, DTTS miền núi phát triển sinh kế,...trong điều kiện đời sống kinh tế người DTTS còn khó khăn và tỷ lệ nghèo còn cao như hiện nay là cần thiết. Tuy nhiên, việc thành lập quỹ xã hội, quỹ từ thiện phải thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

* Nhiệm vụ: Tại mục IV (Tổ chức thực hiện) về thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình (trang 68): *“Giúp việc Ban chỉ đạo quốc gia có Văn phòng điều phối Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN”*.

Việc thành lập Văn phòng điều phối Chương trình MTQG Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN để việc thực hiện giúp việc thành lập cho Ban Chỉ đạo, đề nghị thực hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Nghị quyết 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã chỉ đạo: Rà soát, sắp xếp theo hướng giảm số lượng các Ban Chỉ đạo, tổ chức phối hợp liên ngành ở cả Trung ương và địa phương, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

* Về nội dung vốn và nguồn vốn kinh phí thực hiện: Chủ trương đầu tư Chương trình phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển KT-XH chung của cả nước; vốn và nguồn vốn thực hiện Chương trình do Bộ KH&ĐT phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan thẩm định, cân đối, bố trí nguồn đầu tư theo chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025. Đề nghị cơ quan soạn thảo cần xác định rõ hơn cơ sở lý luận và thực tiễn để bố trí dự toán kinh phí thực hiện hiệu quả và có tính khả thi.

7. Bộ Quốc phòng (văn bản số 1025/BQP-KTe ngày 24/3/2020)

Thống nhất với nội dung Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

Việc xây dựng Chương trình là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển

KT-XH đất nước trong tình hình mới.

Hồ sơ Chương trình được tổng hợp từ các Bộ ngành liên quan là những nội dung cấp bách, cần triển khai, Bộ Quốc phòng thống nhất với Hồ sơ của cơ quan trình.

Đối với nội dung Bộ Quốc phòng đề xuất xây dựng Chương trình (tổng hợp qua ủy ban Dân tộc, Bộ NN&PTNT) đã được các cơ quan chủ trì tổng hợp chung vào Đề án (tiểu dự án 3 và 05 dự án thành phần đề xuất phối hợp với các Bộ ngành).

Đây là những nội dung quan trọng, cấp bách, cần thiết được triển khai sớm; kinh phí đề xuất được xây dựng trên cơ sở định mức đang áp dụng cho các chương trình, dự án (mức đầu tư thấp) đã triển khai thực hiện ở các đơn vị Quân đội.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông (văn bản số 1010/BTTTT-KHTC ngày 25/3/2020)

a) Về nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền của Chương trình MTQG: Tập trung vào nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền cho việc thực hiện Chương trình.

b) Đối với các nhiệm vụ thuộc Tiểu dự án 10.1:

- Về nhiệm vụ “Hỗ trợ Thông tin tuyên truyền về dân tộc”:

Ngày 21/02/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 219/QĐ-TTg phê duyệt Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo; theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ TTTT là cơ quan chủ trì triển khai thực hiện Đề án; các bộ, ngành, cơ quan liên quan tham gia thực hiện Đề án theo các lĩnh vực hoạt động của cơ quan này trong đó có UBND tham gia. Vì vậy, để tránh trùng lặp trong việc sử dụng NSNN, Bộ TTTT đề nghị UBND nghiên cứu, lồng ghép nhiệm vụ này với Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để tránh trùng lặp.

- Về nhiệm vụ “Hỗ trợ thiết bị nghe - nhìn cho các đối tượng”: Đề xuất triển khai tại các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cho toàn quốc; trong đó, tập trung ưu tiên cho các đối tượng thuộc các huyện, xã miền núi, vùng cao, vùng có điều kiện khó khăn, biên giới và hải đảo.

- Về nhiệm vụ “Đầu tư nâng cấp Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng đáp ứng yêu cầu là đài phát thanh, truyền hình khu vực phục vụ đồng bào dân tộc Khmer (và các dân tộc khác):

+ Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 đã quy định đối với hệ thống phát thanh, truyền hình đổi mới theo hướng tập trung sản xuất chương trình, bảo đảm thời lượng phát sóng chương trình sản xuất trong nước của kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương; không xây dựng hệ thống truyền dẫn, phát sóng riêng; các Trung tâm truyền hình khu vực của Đài Truyền hình Việt Nam chỉ thực hiện chức năng sản xuất chương trình cho Đài Truyền hình Việt Nam tại khu vực đó, không phát sóng riêng kênh chương trình khu vực.

+ Trên hệ thống của Đài Truyền hình Việt Nam đã có Kênh truyền hình VTV5 là Kênh truyền hình tiếng DTTS (có phụ đề tiếng Việt), chủ yếu phục vụ đồng bào các DTTS vùng sâu, vùng xa. Kênh được phát sóng quảng bá, với thời lượng 24 giờ mỗi ngày, có nhiệm vụ cung cấp các thông tin, chính sách của Đảng và Nhà nước, các sự kiện lớn và quan trọng của đồng bào các dân tộc thiểu số. Do đó, nhiệm vụ tuyên truyền cho đồng bào Khmer (và các dân tộc khác) là nhiệm vụ của Đài Truyền hình Việt Nam và các đài địa phương.

+ Đến nay, Đài Truyền hình Việt Nam đã tiến hành chuyển đổi các kênh khu vực thành các kênh quốc gia. Theo đó, kênh VTV Cần Thơ 2 (*Kênh truyền hình khu vực chuyên biệt dành cho đồng bào dân tộc Khmer*) được chuyển đổi thành kênh VTV5 Tây Nam Bộ, dành một phần thời lượng cho các chương trình của Kênh VTV5 Quốc gia, một số khung giờ nhất định được dành để phát sóng các chương trình do Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Cần Thơ thực hiện bằng tiếng phổ thông và tiếng Khmer.

+ Đài Truyền hình Việt Nam đã thực hiện dự án “Nâng cao năng lực sản xuất chương trình truyền hình bằng tiếng dân tộc giai đoạn 2016-2020”, dự án bao gồm các nội dung nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất và sản xuất chương trình truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số, trong đó có tiếng dân tộc Khmer.

Vì vậy, việc “Đầu tư nâng cấp Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng là Đài khu vực phục vụ đồng bào dân tộc Khmer và các dân tộc khác” sẽ phát sinh thêm bộ máy, nhân sự, trùng lắp với các Kênh hiện có cũng chức năng ..., không phù hợp với Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” và Quyết định số 362/QĐ-TTg ngày 03/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025. Đề nghị UBND

không đưa nhiệm vụ này vào Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN: Đề nghị UBND rà soát, phân định rõ nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện chức năng quản lý nhà nước của UBND trong xây dựng Chính phủ điện tử và nhiệm vụ tăng cường kiến thức, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân. Trong đó:

- Đối với nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin cần rà soát nếu có thuộc phạm vi Chính phủ điện tử thì cần thuyết minh nội dung nhiệm vụ lồng ghép với Chương trình để đảm bảo không trùng lặp với Đề án xây dựng Chính phủ điện tử (Bộ TTTT đang xây dựng theo nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ).

+ Đối với nhiệm vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin của người dân. Hiện nay, Bộ TTTT đang nghiên cứu, đề xuất tiêu chí thông tin và truyền thông trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới (sẽ bao hàm các nội dung cụ thể về nâng cao mức độ phổ cập kiến thức và sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin cho người dân ở xã xây dựng nông thôn mới). Vì vậy, Bộ đề nghị có sự thống nhất giữa các Bộ trong việc bố trí nhiệm vụ trong các Chương trình, Đề án giai đoạn tới để tránh chồng chéo, trùng lặp và phân công chủ trì để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan liên quan.

c) Về kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về thông tin và tuyên truyền

Cần thuyết minh rõ về nhiệm vụ, đối tượng thụ hưởng, số lượng, cơ sở pháp lý..., để dự kiến cơ cấu nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về thông tin và tuyên truyền thuộc Chương trình.

9. Bộ Tư pháp (văn bản số 1037/BTP-PLDSKT ngày 23/3/2020)

- Tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2011 - 2030, Quốc hội đã giao Chính phủ "*Xây dựng Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 — 2030, trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020) để thực hiện từ năm 2021*" (khoản 2 Điều 2). Đồng thời, theo quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Quốc hội có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình MTQG (khoản 1 Điều 17); Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư chương trình MTQG (khoản 3 Điều 19). Vì vậy, việc Ủy ban Dân

tộc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030 là không đúng quy định. Đề nghị ủy ban Dân tộc báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 nêu trên.

- Nội dung Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình đã cơ bản bảo đảm các yêu cầu về nội dung chủ yếu của báo cáo ĐXCTĐT chương trình đầu tư công theo quy định tại Điều 29 Luật Đầu tư công. Bộ Tư pháp thống nhất báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư Chương trình.

Trong quá trình thẩm định Chương trình, đề nghị Bộ KH&ĐT lưu ý các điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư công, trong đó có điều kiện "*Không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư*" (khoản 2); "*Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn khác đối với các chương trình, dự án sử dụng nhiều nguồn vốn*" (khoản 3). Vì vậy, đề nghị cần rà soát lại kết quả thực hiện các chương trình liên quan để tránh trùng lặp, gây lãng phí vốn nhà nước.

10. Bộ Xây dựng (văn bản số 1392/BXD-QLN ngày 26/3/2020)

- Cơ bản thống nhất với hồ sơ, nội dung trong các báo cáo do Ủy ban Dân tộc chuẩn bị.

- Một số ý kiến bổ sung:

+ Tại điểm a khoản 1 phần IV (trang 6) của Tờ trình; điểm c khoản 1 mục 1 phần IV của Báo cáo ĐXCTĐT; điểm c khoản 1 mục 11.3 của Báo cáo thẩm định vẫn chưa cụ thể hóa, chưa dự kiến được số lượng hộ chưa có nhà ở hoặc có nhà tạm, đột nát để xác định dự toán nguồn vốn đầu tư cho việc hỗ trợ về nhà ở.

+ Về mức hỗ trợ nhà ở cho các hộ DTTS chưa có nhà ở hoặc có nhà ở tạm, đột nát nêu tại điểm c khoản 1 mục I phần IV của Báo cáo ĐXCTĐT và điểm c khoản 1 mục II.3 của Báo cáo thẩm định: đề nghị mức hỗ trợ làm nhà ở cho hộ DTTS ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế đặc biệt khó khăn cần đề xuất tăng từ 60 triệu đồng lên 80 triệu đồng do giá vật liệu xây dựng, chi phí vận chuyển và nhân công xây dựng tại các khu vực này cao hơn các khu vực khác.

11. Bộ Công an (văn bản số 1122/BCA-ANNĐ ngày 27/3/2020)

Cơ bản nhất trí nội dung hồ sơ trình thẩm định.

Một số ý kiến tham gia như sau:

- Tại Dự án 2, Tiểu dự án 1 “*Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hộ DTTS còn du canh, du cư, dân di cư tự do và những nơi cần thiết*” (trang 9 Báo cáo thẩm định; trang 60 Báo cáo ĐXCTĐT), đề nghị bổ sung nội dung phân công nhiệm vụ của lực lượng Công an trong việc thực hiện sắp xếp ổn định dân di cư tự do, đăng ký quản lý nhân hộ khẩu, bảo đảm an ninh, trật tự phục vụ phát triển KT-XH.

- Tại Dự án 8 (trang 60 Báo cáo thẩm định; trang 110 Báo cáo ĐXCTĐT) về “*thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*”, bổ sung đối tượng tác động là “*cán bộ, chiến sỹ Công an công tác tại địa bàn*” do đối tượng hưởng lợi của Dự án liên quan trực tiếp đến công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội của lực lượng Công an: Phụ nữ, trẻ em người DTTS&MN bị ảnh hưởng bởi tệ nạn xã hội, ma túy, buôn bán người...

- Tại Dự án 10 (trang 70 Báo cáo thẩm định; trang 120 Báo cáo ĐXCTĐT) về “*truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN*”, bổ sung đối tượng được hỗ trợ các trang thiết bị nghe - nhìn, tập huấn về kiến thức để tuyên truyền, phổ biến pháp luật là cán bộ, chiến sỹ công tác tại vùng miền núi - dân tộc thiểu số, nhất là lực lượng Công an xã.

12. Bộ Y tế (văn bản số 1809/BYT-KHTC ngày 01/4/2020)

a) Báo cáo đề xuất CTĐT của Chương trình nêu đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 21 và Điều 29 Luật Đầu tư công năm 2019.

b) Một số góp ý cụ thể:

- Đối với nội dung thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ từ thiện đồng hành cùng đồng bào DTTS&MN (tiểu dự án 10.2), cần làm rõ cơ chế quản lý và sử dụng quỹ và tính khả thi của giải pháp huy động nguồn lực tạo quỹ, bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật NSNN.

- Bổ sung một số căn cứ pháp lý để xây dựng Chương trình: các Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 và số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; các Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016, số 1896/QĐ-TTg ngày 25/12/2019, Quyết định ban hành Chương trình “*Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tâm vóc người Việt Nam*”.

- Chính sửa lại tên một số hoạt động chuyên môn:

* Nội dung 2 - Dự án 7:

+ Bổ sung đối tượng thực hiện Dự án: Cán bộ chuyên trách dân số và cộng tác viên dân số; Người dân, đặc biệt là người cao tuổi.

+ Bổ sung hoạt động 2.5 phòng chống bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia) cho vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Sửa tên các hoạt động chuyên môn:

Hoạt động 2.1. Tăng cường cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh nhằm giảm trẻ em sinh ra bị bệnh, tật bẩm sinh góp phần nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN.

Hoạt động 2.2. Đáp ứng nhu cầu chăm sóc và nâng cao sức khỏe người cao tuổi góp phần nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN.

Hoạt động 2.4. Nâng cao năng lực quản lý dân số vùng đồng bào DTTS&MN, chú trọng các cán bộ làm công tác dân số, cộng tác viên dân số.

* Nội dung 3- Dự án 7, đề nghị sửa tên các hoạt động chuyên môn:

+ Hoạt động 3.1: Thông tin, truyền thông và tư vấn cho phụ nữ có thai, bà mẹ nuôi con nhỏ, người chăm sóc trẻ về lợi ích của việc chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, lợi ích của bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu, cho trẻ ăn bổ sung hợp lý và bổ sung vi chất dinh dưỡng.

+ Hoạt động 3.2: Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, đội ngũ y tế thôn bản/các cô đỡ thôn bản về chăm sóc và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu; hướng dẫn ăn bổ sung hợp lý; theo dõi tăng trưởng và phát triển của trẻ dưới 5 tuổi.

+ Hoạt động 3.3: Triển khai các can thiệp trực tiếp cho đối tượng hưởng lợi nhằm phòng chống suy dinh dưỡng phụ nữ có thai, bà mẹ, trẻ em đồng bào DTTS.

* Đối với Dự án 8:

+ Nội dung của Dự án chưa thể hiện được mục tiêu của Đề án 88 về “tăng tỷ lệ phụ nữ người DTTS được khám thai, đẻ tại cơ sở y tế hoặc do nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ”; cần nêu tóm tắt các gói can thiệp cụ thể để thực hiện được mục tiêu của dự án. Về phần phân công thực hiện, cần nêu rõ Bộ Y tế sẽ chủ trì, phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các địa phương thực hiện nội dung chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em.

+ Bổ sung nội dung giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh.

+ Cân nhắc ghép nội dung “Nâng cấp, xây mới, sửa chữa các Bệnh xã quân dân y, Trạm y tế quân dân y vùng đồng bào DTTS và MN, biên giới, vị trí

chiến lược quốc phòng, an ninh” vào nội dung 1 “Xây dựng và phát triển y tế cơ sở cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” để bảo đảm tính thống nhất của Dự án 7. Bộ Y tế sẽ phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng trong việc triển khai thực hiện và phân công đơn vị đầu mối chủ trì triển khai nội dung hợp phần. Trong trường hợp Bộ Quốc phòng cần chủ trì nội dung này vì lý do an ninh quốc phòng, đề nghị Bộ Quốc phòng phối hợp với chặt chẽ với Bộ Y tế trong quá trình thực hiện.

13. Bộ Giao thông vận tải (văn bản số 2800/BGTVT-KHĐT ngày 26/3/2020)

- Cơ bản thống nhất với nội dung Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

- Đối với việc tổ chức thực hiện (mục IV, trang 68): Cần nhắc việc thành lập Ban chỉ đạo quốc gia về Chương trình ở Trung ương mà nên sử dụng chung Ban chỉ đạo các chương trình MTQG Trung ương hiện nay, tương tự các địa phương sử dụng Ban chỉ đạo các chương trình MTQG cấp tỉnh/huyện.

- Về trách nhiệm của đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp (mục IV.3): Đối với các bộ, ngành liên quan (trang 73, 74): Quy định: "+ Định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết... báo cáo Quốc hội, Chính phủ" đề nghị sửa thành "+Phối hợp với các bộ, ngành chủ trì dự án định kỳ đánh giá, sơ kết, tổng kết... báo cáo Quốc hội, Chính phủ" để giảm số lượng báo cáo trùng lặp không cần thiết.

- Trong bối cảnh dịch bệnh hiện nay ảnh hưởng nặng nề tới nền kinh tế, đề nghị Chính phủ cân nhắc thời điểm hợp lý thực hiện Chương trình.

14. Bộ Ngoại giao (văn bản số 1078/BNG-THKT ngày 27/3/2020)

Cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo Báo cáo.

Một số ý kiến cụ thể:

- Đề có cơ sở đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Chương trình và các dự án thành phần, đặc biệt là Dự án 3, bổ sung một số chỉ tiêu cụ thể về kinh tế.

- Dự án số 6: Bổ sung nội dung và hoạt động cụ thể đối với công tác bảo tồn tiếng nói và chữ viết.

- Dự án số 8: Bổ sung “phụ nữ di cư trở về” vào phần Đối tượng hưởng lợi của “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em”.

- Dự án số 10: Phần Nội dung thực hiện Nhiệm vụ (2) thuộc Tiểu dự án 10.1 về “Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS”, bổ sung các nội dung sau: (i) Tuyên truyền nhân dân vùng đồng bào

DTTS & MN về nội dung quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 và chính sách, nỗ lực của Đảng, Nhà nước trong việc đảm bảo các quyền của người dân; (ii) Tăng cường cung cấp thông tin cho chính giới, học giả nước ngoài giúp hiểu rõ hơn về lịch sử và đời sống xã hội - kinh tế các DTTS.

- Về tổ chức thực hiện: Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc: *“Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tăng cường hợp tác quốc tế về công tác dân tộc; ưu tiên hợp tác quốc tế với các quốc gia có chung đường biên giới đất liền và các quốc gia có điều kiện KT-XH, hệ thống chính trị tương đồng, các thể chế đa phương, tổ chức quốc tế có liên quan”.*

15. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (văn bản số 1349/BVHTTDL-KHTC ngày 03/4/2020)

Cơ bản thống nhất với báo cáo ĐXCĐĐT Chương trình.

Báo cáo ĐXCĐĐT chương trình cần bổ sung thêm một số nội dung sau:

- Tại phần mục tiêu của chương trình (trang 4), bổ sung các chỉ tiêu đến năm 2025:

+ *“Văn hóa truyền thống tiêu biểu các DTTS ít người cơ bản được bảo tồn; Các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS được hỗ trợ bảo tồn; 50% lao động người DTTS hoạt động trong lĩnh vực du lịch được đào tạo, tập huấn các kiến thức, kỹ năng cơ bản về du lịch, dịch vụ”.*

+ *“100% di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa bảo quản và di tích được hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp.”*

+ *“100% di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS được kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hóa bảo quản; 80% di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS&MN được hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp.”*

- Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 (trang 5): *“100% các DTTS ít người được hỗ trợ bảo tồn văn hóa truyền thống tiêu biểu; 100% các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống tốt đẹp của các DTTS được bảo tồn, phát huy phục vụ phát triển du lịch; 100% công chức văn hóa xã và các nghệ nhân tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc thiểu số”.*

- Tại phần nội dung dự án số 6, bổ sung tại mục c *“Nội dung thực hiện”*:

+ Về nội dung Hỗ trợ đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị

các thôn vùng đồng bằng DTTS tại trang 36 đề nghị bổ sung số lượng cụ thể: Hỗ trợ xây dựng 10.000 Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Hỗ trợ trang thiết bị cho 5.000 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

+ Nội dung thứ mười bảy (trang 36), bổ sung về số lượng cụ thể di tích được hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS&MN, cụ thể như sau: *“Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp 220 lượt di tích quốc gia đặc biệt, 950 lượt di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS&MN.”*

+ Nội dung thứ mười chín (trang 36): Cân nhắc sử dụng thuật ngữ *“Bảo tàng sinh thái”* và *“bảo tàng hóa”* (hiện chưa rõ lý thuyết và cơ sở thực hiện), đề xuất là: *... xây dựng 15 mô hình bảo tồn và phát huy giá trị...*

- Các Bộ, ngành được giao chủ trì xây dựng nội dung các Dự án và các tiểu dự án thành phần đề nghị có sự phối hợp chặt chẽ trong xây dựng Dự án như:

+ Dự án Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư... Phát triển KT-XH - mô hình bộ đội gắn với dân bản vùng dân tộc thiểu số, miền núi; Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn...cần quan tâm triển khai công tác bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp các dân tộc thiểu số.

+ Dự án Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Chăm sóc sức khỏe nhân dân; Bình đẳng giới...liên quan đến tập quán xã hội và tri thức dân gian trong việc chăm sóc sức khỏe của các dân tộc thiểu số, miền núi.

+ Dự án về Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN...quan tâm phối hợp triển khai trong truyền thông, tuyên truyền về công tác bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

- Mục *“Phân công thực hiện”* tại trang 36, bổ sung, chỉnh sửa như sau:

+ Cơ quan chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Cơ quan phối hợp: Ủy ban dân tộc, Bộ KH&ĐT, Bộ tài chính và Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

16. Bộ Tài nguyên và Môi trường (văn bản số 2089/BTNMT-KHTC ngày 15/4/2020)

a) Báo cáo ĐXC&ĐT cần lập đầy đủ các nội dung theo Điều 29 Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, trong đó có nội dung phân tích, đánh giá sơ bộ những

ảnh hưởng, tác động về môi trường của chương trình.

b) Một số ý kiến góp ý cụ thể:

- Từ Mục IV.1 đến Mục IV.6 (Nội dung của Chương trình) của Tờ trình số 168/TTr-UBND, đề nghị bổ sung đánh giá tình hình thực hiện, kết quả và hiệu quả của các chương trình, dự án đã được triển khai trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2010-2020 có liên quan đến sử dụng đất (những tồn tại, vướng mắc); đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tiềm năng đất đai trong vùng.

- Bổ sung số liệu định hướng, nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030, phân kỳ giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030.

- Việc ĐXCĐT Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 cần phải căn cứ vào phân định vùng DTTS&MN theo trình độ phát triển giai đoạn 2020-2025 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hiện nay, phần lớn đồng bào DTTS&MN sinh sống tại các khu vực chưa phát triển về kinh tế, hạn chế về giao thông, đồng thời chịu nhiều ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Do vậy để phát triển bền vững KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN, cần gắn kết với ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua thực hiện lồng ghép các nội dung về biến đổi khí hậu xuyên suốt trong các hoạt động của Chương trình, đặc biệt là tại các vùng: đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và miền núi phía Bắc.

17. Bộ Khoa học và Công nghệ (văn bản số 930/BKH-CN ngày 03/4/2020)

a) Đối với đầu tư vùng trồng Sâm Ngọc Linh và dược liệu quý:

- Rà soát với các thông báo trước đây của Thủ tướng Chính phủ về vấn đề phát triển dược liệu như Thông báo số 220/TB-VPCP ngày 12/5/2017 về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị toàn quốc về phát triển dược liệu Việt Nam; Thông báo số 369/TB-VPCP ngày 24/9/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Hội nghị đầu tư, phát triển Sâm Ngọc Linh và các dược liệu khác tỉnh Kon Tum;... Trong đó, cần đặc biệt chú ý đến các vấn đề đã được Thủ tướng gọi mở về cơ chế đặc thù cho việc phát triển dược liệu.

- Việc đầu tư phát triển trên đất rừng phải đảm bảo nguyên tắc không làm ảnh hưởng đến mục tiêu bảo tồn và phát triển rừng, không làm ảnh hưởng đến cấu trúc và diễn thế tự nhiên của rừng, không phá vỡ cảnh quan môi trường,

không chặt phá rừng, không làm xâm hại tài nguyên rừng và săn bắt động vật hoang dã; thực hiện đúng các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, bảo vệ rừng. Trong khi đó, theo Tờ trình của Ủy ban Dân tộc chuẩn bị có xác định đối tượng để đầu tư: “Có ít nhất 1.000 ha rừng nguyên sinh, rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất ở độ cao 1.000 mét trở lên so với mực nước biển”, do đó nếu được phép canh tác Sâm Ngọc Linh và dược liệu quý trong các loại rừng trên cần cân nhắc tính khả thi, nguy cơ, lợi ích trong quá trình đầu tư.

- Cân nhắc tên Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021-2030 (trang 70).

18. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (văn bản số 2607/NHNN-TD ngày 14/4/2020)

a) Trách nhiệm của đơn vị Chủ trì và các đơn vị phối hợp:

- Để tránh chồng chéo trong việc ban hành các văn bản liên quan đến cơ chế chính sách đặc thù đối với đồng bào DTTS&MN, Ủy ban Dân tộc nên là đơn vị đầu mối trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với 10 dự án tại Chương trình, NHNN không được phân công nhiệm vụ chủ trì, đề nghị xem xét chỉnh sửa nhiệm vụ của NHNN theo hướng như sau: *“Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan ban hành các văn bản về chính sách đặc thù về cơ chế chính sách tín dụng đồng bào DTTS&MN”*.

b) Dự án 3: Bỏ nội dung ưu đãi vay hỗ trợ lãi suất vay thương mại từ nguồn vốn của Chương trình MTQG vì:

- Để tách bạch hoạt động tín dụng chính sách và tín dụng thương mại, Chính phủ đã thành lập Ngân hàng chính sách để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước với hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác (trong đó có chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS&MN, thương nhân hoạt động tại vùng khó khăn...).

- Hiện nay một số chương trình tín dụng được thực hiện thông qua các Ngân hàng thương mại (NHTM) theo chỉ định của Chính phủ như: Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển quản lý nhà ở xã hội, Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 01/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *“Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ, khôi phục sản xuất để đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”*. Tuy nhiên, đến nay nguồn vốn cấp bù chênh lệch lãi suất cho các NHTM vẫn chưa được NSNN bố trí, dẫn đến khó khăn cho các NHTM trong triển khai các

chương trình này.

c) Về nguồn vốn tín dụng và các nguồn vốn khác tại tờ trình 168/TTr-UBDT ngày 19/02/2020):

- Về nguồn vốn tín dụng:

Dự kiến nguồn vốn tín dụng dành cho chương trình khá lớn (khoảng 197.147,98 tỷ đồng) với nhiều đối tượng tham gia thụ hưởng. Trong khi đó, chưa quy định cụ thể nguồn vốn tín dụng được cấp/huy động từ nguồn nào và tính khả thi để thực hiện chương trình này, nếu không làm rõ và tách bạch từng nguồn vốn thì chương trình không thể thực hiện được các mục tiêu đề ra.

- Về các nguồn vốn khác: Đề nghị rà soát theo Điều 18 Luật Đầu tư công để không trùng lặp với các chương trình, dự án đã có quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư.

d) Về thành lập và tổ chức hoạt động Quỹ từ thiện đồng hành với đồng bào DTTS&MN:

Để đảm bảo hoạt động của “*Quỹ từ thiện đồng hành với đồng bào vùng đồng bào DTTS&MN*” hoạt động hiệu quả, thiết thực, Ngân hàng thương mại tham gia hỗ trợ mức hợp lý phù hợp với tình hình tài chính và sẽ triển khai, thực hiện chương trình an sinh xã hội cụ thể (như hỗ trợ trang thiết bị y tế, khám chữa bệnh, tặng nhu yếu phẩm cần thiết cho người dân ở vùng bị thiên tai, xây dựng cầu, trường, lớp học...).

19. Ủy ban Dân tộc (văn bản số 348/UBDT- KHTC ngày 23/3/2020)

- Ủy ban Dân tộc là cơ quan chủ trì, tham mưu, đề xuất xây dựng Chương trình nên không có ý kiến gì khác cần bổ sung vào Hồ sơ Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

- Đề nghị:

+ Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng thẩm định Nhà nước sớm xem xét, phê duyệt Chương trình để làm căn cứ trình ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình, để kịp triển khai thực hiện từ năm 2021;

- Tổng kinh phí đề xuất để thực hiện Chương trình trong Báo cáo đề xuất được tính toán trên cơ sở hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 (vốn đề xuất từ ngân sách Trung ương là 344.109,27 tỷ đồng). Kiến nghị Hội đồng thẩm định Nhà nước khi thẩm định Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình, rà soát nguồn vốn, khả năng cân đối tối đa để ưu tiên thực hiện, đạt được các mục tiêu của Chương trình.

II. CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN KHÁC BỘ KH&ĐT XIN Ý KIẾN

1. Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng – Bộ Quốc phòng (văn bản số 957/BTL-KHĐT ngày 20/3/2020)

Nhất trí các nội dung trong Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

2. Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam – Đoàn Chủ tịch (văn bản số 4137/ĐCT-DTTG ngày 20/3/2020)

Đề nghị lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, trong đó xác định vấn đề giới, các biện pháp đảm bảo và thúc đẩy bình đẳng giới, để từ đó có căn cứ đánh giá tác động xã hội, tác động giới trong chương trình theo quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư công 2019.

Một số ý kiến cụ thể:

(1) Bảo đảm thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới trong toàn bộ nội dung của Chương trình:

- Bổ sung vào mục tiêu đến năm 2025 và mục tiêu 2030 một mục tiêu riêng và độc lập về bình đẳng giới.

- Mục tiêu đến năm 2025 đề nghị bổ sung: Thông qua và tăng cường 01 chính sách có hiệu lực cho việc thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái ở tất cả các cấp.

- Mục tiêu đến năm 2030 đề nghị bổ sung: Hạn chế tiến tới xóa bỏ các hủ tục như tảo hôn, kết hôn sớm và hôn nhân ép buộc.

(2) Về Dự án 8:

Đề nghị trong hồ sơ trình Hội đồng thẩm định cần bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu và các hoạt động của dự án 8 như sau:

(i) Mục tiêu tổng quát: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới và tập trung giải quyết có hiệu quả một số vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em vùng DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2030.

(ii) Mục tiêu cụ thể:

a- Nâng cao kiến thức mọi mặt, kỹ năng, năng lực về giới, thúc đẩy bình đẳng giới và các kiến thức, kỹ năng hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội cấp thiết cho cán bộ, phụ nữ, nam giới và cộng đồng vùng DTTS và MN.

- Tập huấn kiến thức về giới, lồng ghép giới, chính sách pháp luật về bình đẳng giới cho 100% cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ các ban, ngành, đoàn thể các cấp, lãnh đạo xã, thôn bản,

- Tập huấn kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, bao gồm phòng chống mua bán người, di cư lao động thiếu an toàn; phòng chống bạo lực gia đình, xâm hại trẻ em, phòng chống tai nạn thương tích; SKSS vị thành niên, tiền hôn nhân, chăm sóc sức khỏe mẹ và trẻ em; kỹ năng sống, kỹ năng làm cha mẹ; kỹ năng tổ chức cuộc sống gia đình, tiết kiệm và tích lũy; quản lý kinh tế hộ, khởi nghiệp, sử dụng CNTT... cho 100% cán bộ Hội các cấp, 100% thành viên các mô hình, 70% hội viên, phụ nữ, người dân, 100% học sinh các trường phổ thông trên địa bàn dự án.

- 100% số thôn/bản tổ chức tập huấn ít nhất 01 cuộc/năm về kỹ năng xây dựng cộng đồng phát triển bền vững có sự tham gia của phụ nữ (bao gồm kỹ năng thực hành dân chủ tại cơ sở; kỹ năng tham gia vào các cơ chế tự quản, cơ chế dân chủ đại diện và thực hiện dân chủ trực tiếp; xây dựng và duy trì các mô hình tự quản tại cộng đồng...gồm các kỹ năng điều hành, sinh hoạt CLB/tổ nhóm..) cho cán bộ thôn, bản, người có uy tín, chi hội trưởng Phụ nữ và các đoàn thể, nam giới, cộng đồng, thành viên các mô hình thay đổi nếp nghĩ, cách làm.

+ Tập huấn cho các tổ nhóm phụ nữ tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng (đội chuyên tuyến dựa vào cộng đồng). Đối tượng : Thành viên các tổ, nhóm, CLB, các đội chuyên tuyến dựa vào cộng đồng. Chỉ tiêu: 1.000 đội chuyên tuyến dựa vào cộng đồng được tập huấn và hỗ trợ trang bị chuyên tuyến (theo hướng dẫn của Bộ Y tế).

+ Tập huấn cho 100% cán bộ Hội PN cấp tỉnh/huyện/xã tại địa bàn can thiệp về chính sách, phương thức hỗ trợ, tuyên truyền vận động, thanh quyết toán...nhằm triển khai đến cộng đồng các gói hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa giáo dục về giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho học sinh các trường PTDT nội trú, bán trú trên địa bàn can thiệp.

+ Tập huấn giảng viên tuyến tỉnh. Mỗi tỉnh 6 giảng viên.

+ Tập huấn cho các tổ nhóm phụ nữ tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng (đội chuyên tuyến dựa vào cộng đồng). Đối tượng: Thành viên các tổ, nhóm, CLB, các đội chuyên tuyến dựa vào cộng đồng. Chỉ tiêu: 1.000 đội chuyên tuyến dựa vào cộng đồng được tập huấn và hỗ trợ trang bị chuyên tuyến (theo hướng dẫn của Bộ Y tế).

+ Tập huấn cho 100% cán bộ Hội PN cấp tỉnh/huyện/xã tại địa bàn can thiệp về chính sách, phương thức hỗ trợ, tuyên truyền vận động, thanh quyết toán...nhằm triển khai đến cộng đồng các gói hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ, trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa giáo dục về giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho học sinh các trường PTDT nội trú, bán trú trên địa bàn can thiệp.

+ Tập huấn giảng viên tuyển tỉnh. Mỗi tỉnh 6 giảng viên.

+ Tập huấn cho các thầy cô giáo, cán bộ đoàn trường về tổ chức các hoạt động ngoại khóa. Mỗi trường 02 giáo viên.

- Tập huấn kiến thức, kỹ năng làm mẹ an toàn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em dựa vào cộng đồng (kiến thức, kỹ năng làm mẹ, khám thai định kỳ, chăm trẻ sơ sinh, sử dụng thuốc an toàn, những điều cần biết về sử dụng thẻ bảo hiểm y tế; các chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em). Chỉ tiêu: 6 giảng viên tuyển tỉnh/tỉnh; 2 giảng viên tuyển huyện/huyện; 10 Chủ tịch Hội PN xã/huyện; 100% cô đỡ thôn bản được tập huấn cập nhật 5 năm/lần.

- Tập huấn nâng cao năng lực tham gia ứng cử, vận động bầu cử vào các cơ quan dân cử cho phụ nữ DTTS tiềm năng, ứng cử viên đại biểu HĐND các cấp, ứng cử viên ĐBQH, 2 đợt/khoá.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông cho cộng đồng theo các chủ đề. Đa dạng hình thức, phù hợp với đối tượng và văn hoá, phong tục tập quán tốt đẹp của địa bàn DTTS: phiên chợ truyền thông, diễn đàn cho trẻ em gái, nữ sinh DTTS, tuyên truyền cá biệt, tuyên truyền nhóm hộ, nói chuyện chuyên đề, phát huy nhân tố dẫn dắt là nam, nữ người DTTS, đặc biệt là sự tham gia của nam giới vào các hoạt động truyền thông. Chỉ tiêu: 3 tháng/lần đối với các chiến dịch truyền thông; 1 tháng/lần đối với hoạt động lồng ghép tuyên truyền qua sinh hoạt mô hình; ít nhất 6 phiên chợ truyền thông/năm.

- Xây dựng 01 chương trình/năm: chuyên mục, bản tin chuyên đề về Bình đẳng giới và các vấn đề phụ nữ và trẻ em DTTS trong các chương trình phát thanh, truyền hình, các kênh truyền thông mạng xã hội, số hóa... bằng tiếng phổ thông và chuyển thể thành một số tiếng DTTS đặc trưng theo vùng. Thông tin, kiến thức về giới được cập nhật, bổ sung hàng năm.

- Xây dựng và phát hành 01 *sổ tay hướng dẫn lồng ghép giới*, 01 *sổ tay giám sát, đánh giá LGG*, 01 *Bộ chỉ số đánh giá tác động Giới*, 01 *Bộ công cụ nhận diện vấn đề giới dành cho cộng đồng*, 05 Bộ tài liệu truyền thông cho cộng đồng được số hóa, sơ đồ infographic áp dụng trên các nền tảng điện tử và các phiên bản tài liệu bằng tiếng dân tộc/tranh ảnh minh họa, 01 tài liệu đào tạo, hướng dẫn chuyên môn cho cán bộ y tế để thực hiện các gói can thiệp về giảm tử vong mẹ, tử vong trẻ em, cập nhật tài liệu hướng dẫn tổ chức các hoạt động ngoại khóa giáo dục về giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho học sinh.

- Tổ chức 02 đợt biểu dương, tuyên dương điển hình thực hiện Bình đẳng giới (tổ chức 2 kỳ 2025 và 2030 ở quy mô cấp huyện, tỉnh và quy mô toàn quốc)

b- Xây dựng các mô hình nhằm thay đổi “nếp nghĩ, cách làm” trong đồng bào DTTS theo phương thức hướng dẫn, cầm tay chỉ việc có sự hỗ trợ của nhà nước, huy động nguồn lực xã hội và phát huy tinh thần tự chủ trong hội viên, phụ nữ và cộng đồng.

** Xây dựng mô hình hỗ trợ phụ nữ DTTS và cộng đồng phát triển bền vững*

Mô hình 1 - Tiết kiệm giúp nhau phát triển kinh tế, xây dựng gia đình bình đẳng tiến bộ: 16.000 mô hình tại 16.000 thôn/bản ĐBKK.

Tại các mô hình lồng ghép nhiều hoạt động: nâng cao nhận thức, kỹ năng trong sinh hoạt thường kỳ; các thành viên tự giúp nhau và giúp các thành viên khác trong cộng đồng; xây dựng nhóm tình nguyện viên hỗ trợ tự nguyện tại cộng đồng; hướng dẫn các hoạt động chăm sóc sức khỏe; tiết kiệm định kỳ tăng thu nhập, tăng cơ hội tiếp cận an sinh xã hội (mua BHYT, BHXH); tăng cường sự tham gia có chất lượng của các thành viên vào các hoạt động cộng đồng

Hỗ trợ phụ nữ tiếp cận kịp thời các điểm cung cấp dịch vụ y tế (*các trường hợp ốm đau, cấp cứu cần chuyển tuyến: hỗ trợ thành lập 1000 tổ chuyển tuyến dựa vào cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế*), tiếp cận dịch vụ tài chính tại cơ sở, kết nối giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ sử dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống và phát triển, hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý.

Mô hình 2: Mô hình đồng hành cùng phụ nữ và trẻ em DTTS tại các xã biên giới hiện có và mở rộng ra các xã biên giới ĐBKK khác... nhằm phát huy tinh thần tương thân, tương ái, hướng về miền núi, biên giới khó khăn để hỗ trợ, giúp đỡ có địa chỉ, huy động xã hội hóa hỗ trợ sinh kế, công trình dân sinh thiết yếu, chia sẻ nâng cao nhận thức, kiến thức cho phụ nữ dân tộc thiểu số, kết nối giới thiệu tiêu thụ sản phẩm... đưa địa chỉ, địa bàn cần hỗ trợ lên bản đồ số Việt Nam (Vmap). Duy trì và xây dựng mới các mô hình kết nghĩa trong các cấp Hội phụ nữ (giữa các địa phương đồng bằng/Hội Nữ trí thức, hội nữ doanh nhân với các địa phương miền núi, biên giới cùng hỗ trợ nhau phát huy thế mạnh, tiềm năng và giải quyết khó khăn...

Mô hình 3: Câu lạc bộ “*Vì tương lai tươi sáng - cùng em tự tin vững bước*”. Ít nhất 01 CLB/trường, mỗi trường sẽ được hỗ trợ tổ chức 02 buổi sinh hoạt ngoại khóa/tháng, 9 tháng/năm.

- Vận động, kết nối với quỹ học bổng “Vừ A Dính” và các quỹ xã hội, quỹ khuyến học, khuyến tài trao học bổng cho học sinh dân tộc thiểu số; tổ chức các hoạt động tham quan, trải nghiệm từ miền núi về miền xuôi và ngược lại, các hoạt động ngoại khóa giáo dục về giới tính, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục. Kết nối giao lưu, chia sẻ kiến thức, văn hóa giữa các trường miền núi và miền xuôi.

- Giới thiệu, biểu dương các em nữ sinh DTTS vượt khó học chăm, góp phần tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng dân tộc thiểu số, miền núi.

** Rà soát, nhân rộng mô hình hiệu quả phát huy vai trò của phụ nữ trong phát triển cộng đồng*

- Nghiên cứu, rà soát 100% các mô hình hiện có;

- Đánh giá hiệu quả, khả năng kế thừa, điều chỉnh, nhân rộng;

- Nâng cao chất lượng mô hình chi hội phụ nữ “5 không 3 sạch” tham gia xây dựng nông thôn mới; *tổ phụ nữ bảo vệ đường biên, cột mốc, xây dựng “nhà sạch, vườn đẹp”*, các đội văn nghệ thôn bản, du lịch cộng đồng.

c- Nghiên cứu, đề xuất, sửa đổi bổ sung một số chính sách dân tộc quan trọng nhằm đảm bảo thúc đẩy bình đẳng giới và các vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- *Rà soát, đề xuất sửa đổi bổ sung Nghị định 39/2015/CP-CP ngày 27/4/2015 về hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người DTTS khi sinh con đúng chính sách dân số.*

+ Tổng kết, đánh giá: Rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách hiện hành; đề xuất đưa vào được chương trình xây dựng VBQPPL của chính phủ.

** Đề xuất 4 gói chính sách hỗ trợ có điều kiện: Người hưởng lợi chỉ được hưởng các gói chính sách này khi đến trạm y tế/trạm quân dân y kết hợp hoặc được tiếp cận với nhân viên y tế*

- *Gói 1: Hỗ trợ bà mẹ tiếp cận các dịch vụ chăm sóc trước sinh có chất lượng. Chỉ tiêu: 80% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ ít nhất 4 lần.*

+ Phụ nữ có thai được hỗ trợ tiền đi lại khi đi khám thai: tối đa 4 lần trong thai kỳ, định mức 100.000đ/lần (dự toán tại thời điểm xây dựng dự án, mức hỗ trợ có thể thay đổi tùy vào vật giá).

+ Hỗ trợ phụ nữ kinh phí làm các xét nghiệm sàng lọc (không được BHYT chi trả): xét nghiệm protein niệu sàng lọc phát hiện sớm nguy cơ tiền sản

giật, sản giật; xét nghiệm sàng lọc 3 bệnh lây truyền từ mẹ sang con, bao gồm HIV, viêm gan B và giang mai. Định mức hỗ trợ: 150.000đ/l người.

- Gói 2: Hỗ trợ bà mẹ và 01 người nhà chăm sóc khi đến sinh con tại cơ sở y tế. Chỉ tiêu: 80% phụ nữ để được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ.

+ Hỗ trợ kinh phí đi lại: 200.000đ/l người.

+ Hỗ trợ gói vật tư chăm sóc khi sinh, bao gồm: Bỉm sơ sinh, băng vệ sinh cho bà mẹ, tã lót, áo sơ sinh, mũ, bao tay, bao chân em bé, khăn lau khô, ủ ấm em bé, túi nilon đo lượng máu mất lúc sinh. Định mức 300.000đ/gói/người.

+ Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian lưu tại cơ sở y tế: 50.000đ/ngày/người cho bà mẹ và 01 người chăm sóc đối với 1 ca sinh nở: tối đa 03 ngày đối với 1 ca sinh ngã âm đạo và 05 ngày đối với 1 ca sinh mổ hoặc sinh ngã âm đạo có biến chứng ở mẹ và/hoặc con.

Gói 3: Hỗ trợ bà mẹ và sơ sinh chăm sóc tại nhà sau sinh. Chỉ tiêu: 80% bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc nhà trong tuần đầu sau sinh.

+ Hỗ trợ kinh phí thực hiện việc chăm sóc sau sinh tại nhà cho bà mẹ và trẻ sơ sinh tối thiểu 2 lần trong thời kỳ hậu sản, trong đó có 1 lần vào tuần đầu sau sinh.

+ Hỗ trợ công cho nhân viên y tế thực hiện chăm sóc tại nhà sau sinh: 50.000đ/lượt x 2 lượt.

+ Hỗ trợ lương thực cho bà mẹ nuôi con bú trong 6 tháng đầu sau sinh: 500.000đ/người/tháng (bằng hiện vật).

- Gói 4: Hỗ trợ thực hiện khám sức khỏe định kỳ trẻ em dưới 24 tháng tuổi. Chỉ tiêu: 80% trẻ em dưới 24 tháng tuổi được khám sức khỏe định kỳ tại các trung tâm y tế.

+ Khám sức khỏe toàn diện, định kỳ cho trẻ em dưới 24 tháng tuổi, mỗi trẻ sẽ được khám 4 lần vào các thời điểm 6, 12, 18 và 24 tháng tuổi. Quy trình khám theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

+ Hỗ trợ kinh phí đi lại cho cha mẹ đưa trẻ đi khám sức khỏe định kỳ: 100.000đ/lượt X 4 lượt

+ Hỗ trợ tiền công cho CBYT thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em: 50.000đ/cháu/lượt x 4 lượt.

d) Nghiên cứu đề xuất xây dựng 01 chính sách hỗ trợ phụ nữ phù hợp với thực tiễn và qui định pháp luật hiện hành.

đ) Tích hợp và kế thừa kết quả một số Đề án có liên quan đang triển khai

tại vùng DTTS phù hợp với mục tiêu, nội dung và thời gian thực hiện Chương trình MTQG phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi giai đoạn (2021-2030)

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tự quản và phát triển cộng đồng.

- Đối thoại chính sách theo định kỳ (*online và offline sử dụng tiếng dân tộc*), tư vấn pháp luật lưu động cho nam giới, hội viên PN, cộng đồng, ít nhất 1 cuộc/năm/xã.

- Sử dụng phương pháp cùng tham gia trong các hoạt động phát huy dân chủ cơ sở, nâng cao năng lực giám sát dựa vào cộng đồng thông qua các mô hình thay đổi nếp nghĩ, cách làm cho nam giới, hội viên PN, cộng đồng, thí điểm tại 100 nhóm thuộc các mô hình.

- Hình thành 1 nhóm mạng xã hội/thôn bản: ứng dụng công nghệ thông tin trong nắm bắt tình hình phụ nữ trong các mô hình thay đổi nếp nghĩ, cách làm cho nam giới, hội viên PN, cộng đồng.

- Vận động 100% làng xã, thôn bản có hương ước, quy ước đưa các tiêu chí về bình đẳng giới vào hương ước, quy ước của cộng đồng.

- Phát huy vai trò giám sát của các cấp Hội về việc triển khai tổ chức thực hiện Chương trình MTQG từ góc độ bình đẳng giới.

+ Xây dựng bộ chỉ số giám sát bình đẳng giới và đánh giá việc thực hiện Chương trình MTQG dưới góc độ giới.

+ Bồi dưỡng kỹ năng giám sát, đánh giá các dự án trong Chương trình.

(3) Về lồng ghép giới trong các dự án trong Chương trình MTQG

Dự án 1:

- Bổ sung chỉ tiêu 50% hộ DTTS có nhà xí hợp vệ sinh.

- Bổ sung TW Hội LHPN Việt Nam trong phần Phân công thực hiện.

Dự án 3:

- Về mục tiêu, chỉ tiêu:

+ Bổ sung mục tiêu của tiêu dự án 1 và 2: “Đảm bảo phụ nữ được tiếp cận đầy đủ với các cơ hội phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp”, tiêu dự án 3: “Đảm bảo phụ nữ được tiếp cận đầy đủ với các cơ hội khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp”.

+ Bổ sung chỉ tiêu của tiêu dự án 1 và 2: “tối thiểu 50% phụ nữ tham gia và hưởng lợi trong các dự án phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, chăn nuôi”.

Với cả ba tiểu dự án, bổ sung chỉ tiêu: *“ít nhất 30% ngân sách của các Tiểu dự án trong Dự án 3 được dành cho các dự án, mô hình, hoạt động có sự tham gia của phụ nữ nhằm thực hiện Bình đẳng giới/giải quyết các vấn đề hạn chế/khoảng cách giới tại địa phương”*.

- Về phân công thực hiện:

Bổ sung vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện các hoạt động của Dự án 3 dưới hình thức *“Phân công các tổ chức chính trị - xã hội chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện một hoặc một số hoạt động của tiểu dự án”*.

- Về nội dung thực hiện:

Bổ sung vào nội dung (2) (trang 62 Báo cáo ĐXCTĐT) các ý sau:

+ Ưu tiên các dự án phát triển sản xuất, phát triển chuỗi giá trị có sự tham gia tích cực, chủ động và hưởng lợi công bằng của phụ nữ.

+ Khuyến khích phụ nữ làm trưởng nhóm hoặc làm thành viên nòng cốt của các tổ nhóm, tổ hợp tác.

Dự án 4

- Mục c) cần ghi rõ theo cách thể hiện ở dự án 3 Nội dung thực hiện nêu ra danh mục các công trình được đầu tư. Đề xuất bổ sung một gạch đầu dòng có tính nguyên tắc là: *“Các công trình đầu tư phải được đề xuất của tối thiểu 40% phụ nữ tham dự các cuộc họp lập kế hoạch hàng năm thực hiện Chương trình”*.

- Bổ sung mục c) một gạch đầu dòng về *“Tạo việc làm công”* với các công trình, thực hiện theo cơ chế đặc thù trong đó quy định đảm bảo tỷ lệ tham gia tối thiểu của phụ nữ là 40% trong các cơ hội việc làm công.

Dự án 5:

Tiểu dự án 1:

- Bổ sung vào mục a) mục tiêu *“đảm bảo tỷ lệ biết đọc, biết viết của phụ nữ DTTS không thấp hơn nam giới”*.

- Bổ sung vào mục b) đối tượng hỗ trợ gạch đầu dòng về *“Người DTTS mù chữ, tái mù chữ”*.

- Bổ sung vào mục c) nội dung thực hiện *“Xây dựng chương trình, tài liệu các học liệu dựa vào nền tảng số, các trò chơi trên điện thoại để khuyến khích phụ nữ tự học, học từ vựng, đồng thời làm quen và thích ứng với CNTT ở bậc đơn giản”*.

Tiểu dự án 2:

- Bổ sung vào mục a) mục tiêu *“bảo đảm tối thiểu 40% người được đào tạo là nữ”* áp dụng với tất cả các nội dung đào tạo bồi dưỡng kiến thức dân tộc;

đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học; và nâng cao năng lực cho cộng đồng, cán bộ triển khai.

- Bổ sung vào mục c) trong phần “*bồi dưỡng kiến thức dân tộc*” và phần “*NCNL cho cộng đồng và cán bộ triển khai chương trình*” nội dung: “*Nội dung bồi dưỡng kiến thức về giới và lồng ghép giới trong thực hiện các chính sách về dân tộc*”.

- Bổ sung vào mục c) gạch đầu dòng về “*hỗ trợ cho phụ nữ đi học bao gồm trợ cấp khi mang con đi học*”

Tiểu dự án 3:

- Bổ sung vào mục a) mục tiêu “*đảm bảo tối thiểu 15% lao động DTTS được đào tạo nghề, trong đó bảo đảm tối thiểu 40% người được tham gia các hoạt động hướng nghiệp, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiểu việc làm là phụ nữ*”.

Dự án 7: Đề xuất sửa mục tiêu “*98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế*” thành “*98% đồng bào DTTS tham gia bảo hiểm y tế, trong đó tỷ lệ nữ DTTS sử dụng thẻ BHYT là 50% trở lên*”.

Dự án 8: Giữ nguyên đề xuất các hoạt động can thiệp về y tế và truyền thông nâng cao nhận thức cùng các gói chính sách hỗ trợ có điều kiện. Các hoạt động can thiệp về y tế do Bộ Y tế đảm nhiệm, các hoạt động liên quan đến truyền thông, nâng cao nhận thức, vận động phụ nữ... do Hội LHPN Việt Nam, Bộ Y tế, Ủy ban Dân tộc và các bộ, ngành chức năng đảm nhiệm.

Dự án 9:

Phần (6) mục c) *nội dung thực hiện:* đề xuất bổ sung phát triển KT-XH vào điểm 3 “*triển khai mô hình đầu tư phát triển KT-XH để nâng cao mức sống, thu nhập của người dân ở một số tỉnh, một số dân tộc mà tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống cao*”.

Dự án 10:

- *Tiểu dự án 1:* Bổ sung nội dung trong mục c) “*xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ người có uy tín*” thêm nội dung “*đảm bảo tỷ lệ hợp lý phụ nữ trong tổng số người có uy tín*”.

- *Tiểu dự án 2:* Bổ sung vào mục c) nội dung thực hiện “*Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật mang tính tương tác trực tiếp với người DTTS như các hình thức sân khấu hóa, phiên tòa giả định, truyền thông lưu động, trợ giúp pháp lý lưu động, tuyên truyền miệng*”.

- *Tiểu dự án 3:* Bổ sung nội dung kiểm tra, giám sát từ góc độ bình đẳng giới trong toàn bộ Chương trình với các hoạt động: xây dựng 01 bộ công cụ bao quát toàn

bộ nội dung cần giám sát, đánh giá về thực hiện bình đẳng giới trong mỗi dự án/tiểu dự án. Tổ chức các đoàn/thành viên/chuyên gia trong lĩnh vực BĐG giám sát việc thực hiện theo định kỳ kiểm tra theo quy định của Chương trình.

(4) Các ý kiến khác:

- Cần có giải trình tổng thể của toàn bộ các dự án thể hiện rõ được mục đích các tác động của từng dự án mà các bộ, ngành xây dựng.

- Về địa bàn tác động: Đề nghị lựa chọn địa bàn tác động của toàn bộ Chương trình MTQG là 100% xã ĐBKK và 100% thôn bản ĐBKK thuộc khu vực II theo tiêu chí mới về phân định vùng DTTS và miền núi.

- Các số liệu mục I, II của phần thực trạng KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN đã cập nhật theo số liệu điều tra năm 2019, tuy nhiên trong báo cáo vẫn để riêng mục IV Thực trạng theo số liệu điều tra 2019, đề nghị xem xét tích hợp 2 phần này.

3. Hội Nông dân Việt Nam – Ban chấp hành Trung ương (văn bản số 1424-CV/HNDTW ngày 18/3/2020)

Cơ bản nhất trí với bộ Hồ sơ Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

Đề nghị điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của Tiểu dự án 2 (thuộc dự án 10):

- Về vốn và nguồn vốn: Điều chỉnh, bổ sung như sau:

Phương thức tạo lập bằng nguồn vốn huy động

- Kêu gọi đoàn viên, hội viên cả nước ủng hộ để tạo khoản vốn ban đầu cho Quỹ (*Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức Hội quần chúng trong cả nước*).

- Về Hội Nông dân Việt Nam:

+ Phát động 100% cán bộ, công chức, viên chức Hội Nông dân Việt Nam các cấp ủng hộ 01 ngày lương.

+ Kêu gọi hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đóng góp ủng hộ Quỹ.

- Tiếp nhận tài trợ không hoàn lại của các tổ chức Quốc tế.

- Tiếp nhận ủng hộ từ các tổ chức thành phần kinh tế và các cá nhân hảo tâm trong và ngoài nước.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội (văn bản số 1413/NHCS-TDNN ngày 19/3/2020)

Cơ bản thống nhất với Báo cáo ĐXCTĐT Chương trình.

Một số ý kiến cụ thể:

a) Về đối tượng thụ hưởng tín dụng Chính sách xã hội (CSXH):

- Các dự án có nội dung hỗ trợ tín dụng cho cá nhân, hộ gia đình nên quy định thống nhất bao gồm đầy đủ các đối tượng theo Nghị quyết số 88/2019/QH14.

- Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn: Đề nghị phân định rõ đối tượng nào được vay vốn ưu đãi từ NHCSXH? đối tượng nào vay vốn NHTM được NSNN hỗ trợ lãi suất?

b) Về nguồn vốn tín dụng CSXH thực hiện chương trình MTQG:

- Đề nghị quy định cụ thể nguồn vốn tín dụng CSXH để thực hiện Chương trình này là nguồn vốn được NSNN cấp trong kế hoạch vốn đầu tư công trung, dài hạn theo Luật ngân sách và Luật Đầu tư công.

Trong những năm gần đây việc huy động vốn qua kênh phát hành trái phiếu ngày càng khó khăn do Chính phủ không chế hạn mức bảo lãnh tối đa chỉ bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hàng năm (không phát hành phục vụ mục tiêu tăng trưởng dư nợ); việc huy động vốn trên thị trường còn nhiều hạn chế do thiếu tính cạnh tranh trên thị trường so với các NHTM....Trong khi đó, để thực hiện tốt mục tiêu các dự án/tiểu dự án trong Chương trình MTQG này, đòi hỏi nguồn vốn rất lớn.

Vì vậy, để chủ động nguồn lực tín dụng thực hiện Chương trình MTQG này, bên cạnh việc chủ động rà soát, tích cực thu hồi nguồn vốn từ các chương trình tín dụng phục vụ đồng bào DTTS&MN để cho vay quay vòng, cần thiết phải cấp thêm nguồn vốn từ NSNN trong kế hoạch tổng thể đầu tư công trung, dài hạn giai đoạn 2021-2030.

c) Về nội dung hỗ trợ cụ thể liên quan tới tín dụng CSXH

- NHCSXH thống nhất quan điểm cần chú trọng đổi mới và mở rộng tín dụng CSXH theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay vốn đến các dự án sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm cho đồng bào DTTS và một số đối tượng yếu thế trong vùng; nâng cao khả năng tiếp cận tín dụng CSXH cho người dân và một số loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Để đảm bảo tính thống nhất về nội dung hỗ trợ tín dụng, trong từng dự án/tiểu dự án cần quy định về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay (hiện nay chỉ có dự án số 1 nêu cụ thể về vấn đề này, các dự án/tiểu dự án khác chưa quy định). Với tín dụng CSXH, nguồn vốn cho vay đều có nguồn gốc từ NSNN, dưới hình thức được cấp vốn trực tiếp hoặc thông qua cấp bù chênh lệch

lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng CSXH huy động vốn trên thị trường. Nguồn vốn này được bố trí trong khả năng cân đối ngân sách từng thời kỳ. Vì vậy, trong điều kiện ngân sách có hạn, cần quy định mức hỗ trợ cụ thể. Tuy nhiên, để đảm bảo linh hoạt trong điều hành chính sách, đề nghị quy định áp dụng theo một số chương trình tín dụng hiện nay Ngân hàng CSXH đang thực hiện có mục tiêu, nội dung hỗ trợ tương đồng (như: cho vay hộ nghèo, cho vay giải quyết việc làm, cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng...). Khi cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh chính sách thì các nội dung liên quan trong các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình này sẽ được điều chỉnh tương ứng, phù hợp.

- Đối với lãi suất cho vay hộ gia đình/cá nhân, NHCSXH đề nghị áp dụng thống nhất mức lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo từng thời kỳ, tạo điều kiện hỗ trợ người dân phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm trong bối cảnh *“vùng DTTS&MN là vùng có điều kiện phát triển KT-XH thấp nhất, chất lượng nguồn nhân lực thấp nhất, KT-XH chậm phát triển nhất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản thấp nhất, tỷ lệ hộ nghèo cao nhất”*. Định hướng này Phù hợp với chiến lược hoạt động của NHCSXH đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt là tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi về lãi suất phù hợp với khả năng tài chính của Nhà nước và của đối tượng vay vốn trong từng thời kỳ, trong đó mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ đồng bào dân tộc nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn; phù hợp với đặc điểm và khả năng phát triển KT-XH. Đồng thời, nhằm tiếp tục duy trì ổn định chính sách ưu đãi lãi suất của một số chương trình tín dụng dành riêng cho đồng bào DTTS hiện nay đang thực hiện.

d) Về nội dung hỗ trợ tín dụng liên quan đến từng dự án/tiểu dự án cụ thể:

(1) Đối với Dự án 1. Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.

- Về đối tượng: NHCSXH đề nghị được hỗ trợ từ Dự án này nên thống nhất như Nghị quyết 88/2019/QH14, bao gồm: (i) Hộ gia đình, cá nhân người DTTS nghèo, cận nghèo; (ii) hộ gia đình, cá nhân người kinh nghèo, cận nghèo sinh sống tại xã, thôn đặc biệt khó khăn chưa có hoặc thiếu đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở dột nát, tạm bợ.

- Nội dung hỗ trợ: thống nhất như Báo cáo đề xuất về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và nguyên tắc mỗi hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chỉ được hưởng một trong hai chính sách: hỗ trợ đất sản xuất hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề.

- Về nguồn vốn tín dụng CSXH thực hiện dự án:

NHCSXH dự kiến trong trường hợp được bổ sung đối tượng như đã nêu trên thì nguồn vốn cho giai đoạn 2021-2030 khoảng 44.868 tỷ đồng, trong đó: giai đoạn 2021-2025 là 25.342 tỷ đồng; giai đoạn 2026-2030 là 19.526 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, nguồn vốn thu hồi từ cho vay nhà ở theo Quyết định 167 và Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ trong khu vực DTTS&MN khoảng 4.245 tỷ đồng. Do đó, nhu cầu vốn mới cho dự án này khoảng 40.623 tỷ đồng.

Trường hợp đối tượng thụ hưởng dự án giữ nguyên như Báo cáo đề xuất, NHCSXH thống nhất với dự kiến nguồn lực trong Báo cáo.

(Biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

(2) Đối với Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị”.

* Đối với tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Trong nội dung hỗ trợ thông qua tín dụng ngân hàng, trong Báo cáo đề xuất có 02 hình thức: (i) hỗ trợ thông qua tín dụng CSXH do NHCSXH thực hiện; (ii) hỗ trợ thông qua tín dụng NHTM và được ngân sách hỗ trợ lãi suất. Theo ý kiến đã nêu trên, cần quy định rõ đối tượng thụ hưởng tín dụng từ 2 loại hình ngân hàng này. NHCSXH đề nghị:

+ NHCSXH thực hiện cho vay đối với cá nhân/hộ gia đình người DTTS; hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo người Kinh ở vùng đồng bào DTTS&MN, gắn hỗ trợ phát triển sinh kế với tín dụng ưu đãi thông qua lập dự án, xây dựng phương án vay vốn để NHCSXH thẩm định, cho vay theo dự án được duyệt. Ngoài ra, NHCSXH cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hợp tác xã, Tổ hợp tác... phù hợp với mục tiêu cho vay khởi nghiệp, cho vay giải quyết việc làm.

Theo đó, NHCSXH định hướng cho vay hỗ trợ các hộ gia đình để trực tiếp hoặc góp vốn vào các Tổ hợp tác, nhóm sản xuất nhằm phát triển sản xuất nông, ngư, nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị trên cơ sở các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho các tổ nhóm có liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, Hợp tác xã và các tổ chức khác, có phương án phát triển sinh kế thị trường bền vững, khả thi; dự án xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, hữu cơ, trái vụ, phát triển vùng nguyên liệu...

+ NHTM thực hiện cho vay đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong vùng theo cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị

định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.

- Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, NHCSXH đề xuất:

+ Mức cho vay tối đa bằng mức cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ (hiện nay là 100.000.000 đồng/hộ).

+ Thời hạn cho vay: Tối đa 10 năm.

+ Lãi suất cho vay: bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo từng thời kỳ.

* Đối với tiêu dự án 2: Đầu tư, phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị; cùng trồng Sâm Ngọc linh và dược liệu quý; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Đối với các xã đầu tư phát triển, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo chuỗi giá trị

+ Về đối tượng: hiện nay Báo cáo đề xuất xác định đối tượng bao gồm hộ nghèo, cận nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn tham gia Nhóm phát triển sản xuất chăn nuôi và hộ không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo làm Nhóm trưởng. Với quy định này, đối tượng tham gia tiêu dự án sẽ bị hạn chế đáng kể. NHCSXH đề nghị nên xem xét quy định đối tượng như đối với các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp đã nêu ở trên. Theo đó đề nghị bổ sung, bao gồm: (i) Hộ gia đình, cá nhân người DTTS; (ii) Hộ gia đình, cá nhân người Kinh nghèo, cận nghèo sinh sống tại xã, thôn đặc biệt khó khăn. Việc quy định này đảm bảo tính thống nhất trong xác định đối tượng theo Nghị quyết 88/209/QH14 của Quốc hội. Hơn nữa, hiện nay, dù không phải là hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng cơ bản các hộ gia đình sản xuất đơn lẻ, manh mún, trong khi mục tiêu để thay đổi cơ cấu sản xuất cả vùng. Vì vậy không nên thu hẹp đối tượng.

+ Về nội dung hỗ trợ: NHCSXH thống nhất về cách thức thực hiện. Trước mắt thí điểm xây dựng theo mô hình, trong đó, trên địa bàn một xã thí điểm 01 mô hình chăn nuôi gia súc, 01 mô hình chăn nuôi gia cầm như Báo cáo đề xuất đã nêu.

+ Về nguồn vốn: với dự kiến xây dựng mỗi xã 02 mô hình (01 mô hình chăn nuôi gia súc, 01 mô hình chăn nuôi gia cầm); với tổng số khoảng 1.400 xã đặc biệt khó khăn thì tổng nguồn vốn dự kiến cho giai đoạn 2021-2030 khoảng trên 1.400 tỷ đồng (*nguồn vốn này chưa tính đến việc mở rộng đối tượng và địa bàn thực hiện như ý kiến kiến nghị ở trên*).

- Đối với đầu tư vùng trồng sâm Ngọc Linh và dược liệu quý.

+ Về đối tượng: NHCSXH đề nghị quy định thống nhất như đối với đối tượng thuộc tiêu dự án phát triển kinh tế nông nghiệp. Đó là: cá nhân, hộ gia

đình người DTTS; hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo người Kinh ở vùng đồng bào DTTS&MN.

+ Về hình thức hỗ trợ thông qua tín dụng: cũng như hợp phần hỗ trợ phát triển nông nghiệp, trong Báo cáo đề xuất có 02 hình thức: (i) hỗ trợ thông qua tín dụng CSXH do NHCSXH thực hiện; (ii) hỗ trợ thông qua tín dụng NHTM và được ngân sách hỗ trợ lãi suất. NHCSXH đề nghị quy định rõ và đề xuất quy định như đối với tiểu dự án đã nêu ở trên.

+ Việc đầu tư cho các đối tượng thụ hưởng tín dụng CSXH:

NHCSXH định hướng cho vay hỗ trợ các hộ gia đình để trực tiếp hoặc góp vốn vào các Tổ hợp tác, nhóm sản xuất nhằm phát triển sản xuất vùng trồng sâm Ngọc Linh, được liệu quý theo hướng sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị trên cơ sở các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ưu tiên cho các hộ, nhóm hộ có liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, Hợp tác xã trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

+ Đề xuất quy định về mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay:

Hạn mức cho vay: tối đa bằng mức cho vay hộ nghèo trong từng thời kỳ (hiện nay là 100.000.000 đồng/hộ).

Thời hạn cho vay: Tối đa 10 năm.

Lãi suất cho vay: bằng 50% lãi suất cho vay hộ nghèo từng thời kỳ.

- Đối với nội dung thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

+ Về đối tượng:

Trong Báo cáo đề xuất xây dựng kế hoạch hỗ trợ 3.000 mô hình khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh ở vùng DTTS&MN. Theo đó, hoạt động hỗ trợ thông qua tín dụng ngân hàng được quy định với 02 hình thức: (i) hỗ trợ thông qua tín dụng CSXH do NHCSXH thực hiện; (ii) hỗ trợ thông qua tín dụng NHTM được ngân sách hỗ trợ lãi suất. Tuy nhiên, cũng như đã góp ý ở trên, để có cơ sở xây dựng và thực hiện Nghị định về tín dụng phát triển KT-XH vùng DTTS&MN, cần quy định rõ vấn đề này.

+ Cách thức hỗ trợ tín dụng đối với các đối tượng phục vụ của NHCSXH: định hướng thực hiện như cơ chế cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Đề xuất này Phù hợp với mục tiêu, nội dung hỗ trợ của Chương trình.

+ Về nguồn vốn thực hiện dự án: trong cơ cấu nguồn vốn thực hiện hợp phần này, hiện nay mới có nguồn kinh phí từ ngân sách, vốn huy động từ cộng

đồng, doanh nghiệp, quốc tế...mà chưa có nguồn vốn tín dụng CSXH; NHCSXH đề xuất, để thực hiện hợp phần này, cần có nguồn vốn cấp từ ngân sách để cho vay như đối với các dự án/tiểu dự án đã nêu ở trên.

- Về nguồn vốn thực hiện các tiểu dự án trong Dự án 3

Tổng nguồn vốn dự kiến cho giai đoạn 2021-2030: 74.107 tỷ đồng, trong đó: giai đoạn 2021-2025 là 44.464 tỷ đồng; giai đoạn 2026-2030 là 29.643 tỷ đồng.

(Biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

* Đối với dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch.

Tổng nguồn vốn dự kiến cho giai đoạn 2021-2030 khoảng 900 tỷ đồng, trong đó: Giai đoạn 2021-2025: 540 tỷ đồng; Giai đoạn 2026-2030: 360 tỷ đồng.

(Biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

đ) Ngoài ra, qua nghiên cứu tiểu dự án 3 thuộc Dự án 5: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho thanh niên vùng DTTS&MN cho thấy:

NHCSXH đề nghị nên quy định nội dung hỗ trợ về tín dụng CSXH để tạo việc làm cho thanh niên vùng DTTS&MN thông qua các chương trình tín dụng có mục tiêu Phù hợp như: tín dụng cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

NHCSXH dự kiến tổng nguồn vốn thực hiện mục tiêu tạo việc làm cho thanh niên vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 khoảng 18.500 tỷ đồng, trong đó: giai đoạn 2021-2025 là 11.100 tỷ đồng; giai đoạn 2026-2030 là 7.400 tỷ đồng.

(Biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

e) Tổng hợp dự kiến nguồn vốn tín dụng chính sách thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng DTTS&MN giai đoạn 2021-2030

Căn cứ nội dung các dự án, tiểu dự án và các nội dung đã tham gia ở trên, NHCSXH xây dựng kế hoạch vốn tín dụng CSXH thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2030 là: **138.375 tỷ đồng**; trong đó, giai đoạn 2021-2025 là 81.446 tỷ đồng; giai đoạn 2026-2030 là 56.929 tỷ đồng.

(Biểu số liệu và thuyết minh đính kèm).

5. Ủy ban trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam – Ban thường trực
(văn bản số 671/MTTW-BTT ngày 20/3/2020)

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có ý kiến về các nội dung thẩm định như sau:

a) Nhận xét, đánh giá chất lượng của hồ sơ đề nghị thẩm định và nội dung báo cáo ĐXCĐT Chương trình

Hồ sơ, nội dung báo cáo ĐXCĐT Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021- 2030 đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 29 của Luật đầu tư công, đủ điều kiện để Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định theo quy định.

b) Về việc đáp ứng tiêu chí của Chương trình MTQG

Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 với 10 dự án thành phần và theo điều 4 của Luật đầu tư công, vì vậy chương trình đáp ứng tiêu chí của Chương trình MTQG.

c) Về sự cần thiết đầu tư Chương trình

Dựa trên phân tích đánh giá các yếu tố như: vị trí, tầm quan trọng, thực trạng KT-XH, công tác quản lý thực hiện chính sách, mục tiêu Thiên niên kỷ của vùng DTTS và MN... Báo cáo đề xuất đã nêu được sự cần thiết đầu tư chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030.

d) Về việc tuân thủ các quy định của pháp luật

Căn cứ vào các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong thời gian qua về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc, báo cáo ĐXCĐT Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021-2030 đã tuân thủ các quy định của pháp luật.

đ) Về sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Căn cứ vào các mục tiêu chiến lược của Bộ Chính trị, Quốc hội và Chính phủ được nêu trong các văn bản về công tác dân tộc, Báo cáo đề xuất đã tuân thủ chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH theo mục tiêu chiến lược của Đảng, Nhà nước.

e) Về những thông số cơ bản của Chương trình

- *Mục tiêu của Chương trình:* + Về hệ thống chỉ tiêu: đề nghị không nên đặt ra các "chuẩn" riêng đối với vùng DTTS và MN (thu nhập, hộ nghèo, giao thông, giáo dục, y tế...) mà nên thống nhất "chuẩn" chung quốc gia để tập trung

hơn, ưu tiên hơn các nguồn lực thực hiện ở vùng DTTS và miền núi.

+ Một số chỉ tiêu cần rà soát lại định lượng cụ thể các chỉ tiêu của chương trình không quy định tỷ lệ % và có số liệu so sánh (thu nhập bình quân đầu người vùng đồng bào DTTS và miền núi năm 2025 tăng trên 2,0 lần so với năm 2020, cụ thể là bao nhiêu?...).

+ Bổ sung nội dung "*Chăm lo, bồi dưỡng sử dụng nhân tài*" vào khoản 5 và nội dung "*ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn nghiện hút*" vào khoản 8, mục 2.1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 của Tờ trình.

Phạm vi, thời gian và đối tượng thực hiện Chương trình

+ Đề nghị nghiên cứu không quy định cụ thể, chi tiết các đối tượng sẽ thiếu và khó đầy đủ mà quy định chung là "*Mọi thành phần, tổ chức trên địa bàn vùng DTTS và miền núi, đã được phân định năm 2020*".

- *Các nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình (10 dự án)*

+ Các thông số cơ bản của 10 dự án trong Báo cáo đề xuất của chương trình đã bám sát nội dung của Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt "*Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN*", tuy nhiên đề nghị nghiên cứu bổ sung các nội dung sau:

+ Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt: đề nghị định lượng cụ thể các mục tiêu của dự án không quy định mục tiêu tỷ lệ %, các mục tiêu đề nghị thống nhất với các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS và MN.

+ Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết đề nghị bổ sung nội dung "*Quy hoạch, xây dựng hoàn thiện các Trung tâm xã và Trung tâm cụm xã để làm nhiệm vụ là động lực, là trung tâm phát triển, đầu kéo thúc đẩy cả xã và vùng sâu, vùng xa phát triển*".

+ Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị đề nghị không nên đưa Tiêu dự án 3.2 vào dự án vì đây là nhiệm vụ của Bộ NN&PTNT; đề nghị có định mức đầu tư thỏa đáng cho hộ gia đình tham gia bảo vệ chăm sóc, trồng mới rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

+ Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN, các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc.

Đề nghị tên của dự án là "*Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và MN*" bỏ "các đơn vị sự nghiệp

công của lĩnh vực dân tộc" vì đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ tất cả mọi đối tượng, thành phần trong vùng đồng bào DTTS và MN.

+ Dự án 5: Phát triển giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Đề nghị cần rà soát lại nội dung của Tiểu dự án 5.1 và 5.2 vì vốn và nguồn vốn quá lớn; đề nghị bổ sung một Tiểu dự án về "*Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ vùng đồng bào DTTS và MN*".

+ Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch.

Đề nghị bổ sung Tiểu dự án về phát triển du lịch sinh thái vùng đồng bào DTTS và MN.

+ Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc rất ít người, nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn.

Đề nghị làm rõ 2 tiêu chí đối tượng của dự án là nhóm DTTS rất ít người với nhóm DTTS còn nhiều khó khăn; làm rõ căn cứ để xác định 12 dân tộc trong dự án; sửa tên gọi "*tộc người thiểu số Đan Lai*" vì trong thành phần 53 DTTS không có dân tộc này.

+ Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS và MN.

Việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí thời gian qua hiệu quả thấp, thông tin không kịp thời vì vậy đề nghị Tiểu dự án 1 sửa nội dung "*cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí*" cho phù hợp với tình hình hiện nay.

g) Đánh giá khả năng huy động và cân đối nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình.

Tổng mức vốn đầu tư dự kiến của Chương trình quá lớn, không khả thi (604.064,54 tỷ đồng) đề nghị cần rà soát lại nội dung, nguồn vốn của các dự án, tiểu dự án không trùng với các Chương trình; MTQG khác để tổng mức vốn đầu tư của Chương trình bằng hoặc thấp hơn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (khoảng 193.155,6 tỷ đồng), Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (khoảng 48.397 tỷ đồng).

f) Về tổ chức thực hiện

Để thực hiện đúng quy định của Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội, đảm bảo triển khai thực hiện tốt các dự án, tiểu dự án của Chương trình đề nghị bổ sung Mục IV.3. "*Trách nhiệm của đơn vị chủ trì và*

các đơn vị phối hợp" nội dung "Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội, nghề nghiệp phối hợp theo dõi, giám sát và huy động nguồn lực của xã hội thực hiện Chương trình".

III. MỘT SỐ TỔ CHỨC KHÁC

1. Nhóm công tác về DTTS(EMWG) (văn bản ngày 24/3/2020)

Chương trình MTQG vùng DTTS là chương trình tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi có tác động toàn diện đến mọi mặt trong đời sống của mọi người dân, hộ gia đình, cộng đồng các dân tộc.

Chúng tôi xin nêu 7 điểm cần nghiên cứu chỉnh sửa bổ sung như sau:

a) Về cấu trúc khung của chương trình

Hiện dự thảo vẫn còn tình trạng trong một Dự án có nhiều tiểu dự án/hợp phần/nội dung chồng lấn nhau, do các cơ quan khác nhau chủ trì, thiết kế và quản lý tổ chức thực hiện. Cách thiết kế kiểu “phân tán” này sẽ gây rất nhiều khó khăn cho các địa phương trong lập kế hoạch, triển khai thực hiện, thanh quyết toán, tuân thủ chế độ báo cáo... Đồng thời cũng không đúng với chủ trương tích hợp cơ chế chính sách, giảm đầu mối quản lý, giảm chồng chéo địa bàn, tăng cường phân cấp và trao quyền cho địa phương, cơ sở và cộng đồng, người dân đã được nêu rõ tại Đề án Đầu tư phát triển tổng thể vùng đồng bào DTTS&MN được Quốc hội thông qua ngày 18/11/2019.

Đề xuất:

Cho dù CTMTQG vùng DTTS cuối cùng được thiết kế chia thành các dự án/tiểu dự án/nội dung như thế nào **cần qui định rõ các địa phương được chủ động lập kế hoạch, phân bổ ngân sách theo cơ chế lập kế hoạch từ dưới lên (theo phương pháp tham gia), dựa trên ngân sách cấp trọn gói cho địa phương (theo từng Dự án).** Khi đó, việc thực hiện tiểu dự án nào, nội dung gì (*trừ các chính sách thường xuyên, như khoán bảo vệ rừng, bắt buộc phải dành ngân sách để thực hiện*) là do địa phương quyết định, căn cứ vào tham vấn người dân, cộng đồng, phù hợp với đặc điểm địa bàn, qui hoạch đất đai, qui hoạch sản xuất/tái cơ cấu, kế hoạch phát triển KT-XH.

b) Về phương pháp tiếp cận

Hiện Dự thảo hoàn toàn không đề cập đến phương pháp tiếp cận cụ thể của Chương trình sẽ là gì, ngoài 1 mục IV, Phần III về Phương pháp tiếp cận. Một số ý được nêu rất chung chung như sau: *“Phương pháp tiếp cận dựa trên phương châm “Dân cần, dân bàn, dân làm, dân hưởng lợi”. Nguồn lực Nhà nước là yếu tố quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác theo hình*

thực đối tác Công - Tư (PPP), tạo sinh kế bền vững cho người dân thoát nghèo bằng các mô hình, chương trình và việc làm thiết thực, mở ra cơ hội và tăng tiếp cận thị trường cho đồng bào DTTS&MN”.

Đề xuất:

Chương trình MTQG vùng DTTS giai đoạn 2021 - 2030 cần phải nêu rõ hơn, cụ thể hơn về phương pháp tiếp cận của Chương trình.

c) Về bố trí ngân sách/Nguồn lực thực hiện chương trình:

Cơ cấu vốn trong Dự thảo hiện nay là 57:7:33:3 cho vốn NSTW-NSDP-Tín dụng NHCSXH - nguồn khác. Do tín dụng NHCSXH cơ bản cũng là nguồn từ TW nên cơ cấu vốn thực chất là 90:7:3. Dồn toàn bộ gánh nặng cho NSTW là rất khó khả thi khi mà yêu cầu vốn lên đến 610 nghìn tỷ (cho giai đoạn 2021-2030). Chỉ với 7%, đóng góp của NSDP rất thấp - ngược với CTMTQG NTM giai đoạn 2016-2020 với NSTW chỉ bằng gần 20% đóng góp của NSDP. Do ngân sách trung ương có hạn, nếu phát triển KT-XH và giảm nghèo vùng DTTS & MN chỉ dựa hầu hết vào NSNN cấp trung ương thì sẽ luôn trong tình trạng vốn ghi thì cao và vốn giải ngân thực tế thì thấp, giảm tính chủ động trong huy động và kết hợp các nguồn lực của chính quyền địa phương và cộng đồng.

Đề xuất:

Tăng cam kết từ ngân sách địa phương và đặc biệt phải tạo cơ chế mạnh để huy động nguồn lực từ doanh nghiệp (bao gồm cả ngân hàng cho vay tín dụng). Khi đó, các định hướng liên quan đến phát triển chuỗi dựa vào tiềm năng thế mạnh (để thu hút doanh nghiệp đầu tư), phân cấp và trao quyền, phát huy nội lực cộng đồng, giảm cho không... mới thực sự có cơ sở để triển khai.

d) Nguyên tắc và cơ chế thực hiện

Chúng tôi đề xuất nên bổ sung một phần về Nguyên tắc và cơ chế thực hiện, trong đó nêu việc tiếp tục kế thừa và thực hiện 7 nguyên tắc sau:

i. Có trọng tâm và bền vững: Ưu tiên đầu tư, hỗ trợ trước cho các xã, thôn bản khó khăn nhất; ưu tiên hỗ trợ các hộ nghèo, các nhóm khó khăn nhất và phụ nữ người DTTS nhằm thu hẹp khoảng cách trong phát triển kinh tế, tiếp cận dịch vụ công và cơ hội phát triển giữa các địa phương, giữa các vùng và giữa các nhóm dân tộc thiểu số.

ii. Phù hợp: Phù hợp với quy hoạch phát triển KT-XH, chiến lược phát triển sản xuất nông nghiệp và nhu cầu thực tế của người dân. Phù hợp với các điều kiện, đặc điểm, nhu cầu sản xuất của hộ nghèo, cận nghèo và phụ nữ người DTTS. Phù hợp với đặc thù, thế mạnh của từng vùng miền; Phù hợp với nhu cầu, đặc trưng văn hóa của từng vùng và của các nhóm DTTS.

iii. Công khai, dân chủ: Tiếp tục phát huy tinh thần công khai, dân chủ từ cơ sở, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của người dân, đặc biệt là phụ nữ DTTS. Đảm bảo người dân được tiếp cận thông tin đầy đủ và kịp thời về các hoạt động Chương trình. Tham gia và ra quyết định trong tất cả các khâu như lập kế hoạch, lựa chọn hộ hưởng lợi, tổ chức thực hiện và giám sát đánh giá.

iv. Phân cấp trao quyền: Tiếp tục thực hiện tăng cường phân cấp, trao quyền cho các cấp cơ sở, đặc biệt đẩy mạnh phân cấp cho UBND xã làm chủ đầu tư; tăng cường trao quyền cho cấp thôn, bản; trao quyền tự chủ cho cộng đồng, phát huy tinh thần tự lực tự cường của người dân và cộng đồng, gắn với nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá.

v. Tự chủ và phát huy nội lực cộng đồng: Cần đảm bảo các cộng đồng DTTS, đặc biệt là phụ nữ DTTS phải trở thành “đối tác phát triển”, không phải là các “đối tượng hưởng lợi” một cách thụ động.

vi. Lồng ghép giới và biến đổi khí hậu: Đảm bảo khía cạnh bình đẳng giới và các rủi ro gắn với biến đổi khí hậu được cân nhắc và có giải pháp cụ thể trong quá trình triển khai các chương trình chính sách phát triển sinh kế, tiếp cận thông tin và tiếp cận các dịch vụ tín dụng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và trợ giúp pháp lý.

vii. Đa dạng hóa nguồn lực: Từng bước thực hiện xã hội hóa các hoạt động phát triển kinh tế và cung cấp dịch vụ cho các cộng đồng người DTTS thông qua việc phối kết hợp, lồng ghép với các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân quan tâm khác.

đ) Về việc lồng ghép Giới và Biến đổi khí hậu

(1) Lồng ghép giới

Giới là vấn đề có tính xuyên suốt, việc ‘khu trú’ BĐG trong một dự án là cách tiếp cận coi giới là vấn đề mang tính lĩnh vực chứ không phải là xuyên suốt. Vấn đề BBĐ giới vùng DTTS không thể được giải quyết chỉ bằng dự án 8. Bên cạnh dự án 8, BĐG cần được thể hiện xuyên suốt trong tất cả các dự án tiêu dự án của chương trình.

Đề xuất:

Bổ sung một nguyên tắc về BĐG như là một nguyên tắc cơ bản trong thực hiện Chương trình như đã nêu ở trên, đồng thời ở mỗi dự án, tiêu dự án cần đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số về lồng ghép giới một cách cụ thể, theo quy định của Luật Bình đẳng Giới (2007) và Chiến lược Quốc gia về Bình đẳng Giới (2011-2020).

Các hoạt động liên quan đến BĐG trong Chương trình được phân bổ dòng ngân sách riêng, không tích hợp chung vào dòng ngân sách của hoạt động để đảm bảo các hoạt động lồng ghép giới có ngân sách trong tổ chức thực hiện.

Hội LHPN ngoài vai trò là cơ quan chủ trì dự án 8, cần có vai trò trong việc giám sát, hỗ trợ thực hiện các hoạt động liên quan đến BĐG trong các dự án, tiểu dự án của Chương trình.

(2) Lồng ghép Biến đổi khí hậu

Dự thảo Chương trình chưa đề cập đến các yếu tố tác động của biến đổi khí hậu một cách cụ thể và đầy đủ và chưa lồng ghép vào mục tiêu và kế hoạch, cách thức tổ chức thực hiện Chương trình.

Đề xuất:

Bổ sung một nguyên tắc về thích ứng với biến đổi khí hậu trong thực hiện Chương trình như đã đề xuất ở phần nguyên tắc. Đồng thời, ở mỗi dự án, cần có sự phân tích, chỉ ra các yếu tố rủi ro do thiên tai, biến đổi khí hậu gây ra và lồng ghép giảm rủi ro, tăng cường thích ứng vào việc tổ chức thực hiện của từng dự án, tiểu dự án cụ thể, đặc biệt là dự án 1, dự án 2, dự án 3 và dự án 4 là những dự án gắn với đất đai, quy hoạch, sắp xếp ổn định dân cư, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng là những lĩnh vực chịu nhiều tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu.

(3) Giám sát đánh giá

Dự thảo của Chương trình cũng cần nêu ra các kết quả chính của Chương trình, cũng như của các dự án và tiểu dự án. Cần rà soát lại các mục tiêu của dự án, tiểu dự án, tránh nhầm lẫn sử dụng chỉ số đầu ra để đo lường mục tiêu, kết quả của Chương trình. Đảm bảo sự gắn kết giữa các chỉ số, chỉ tiêu giám sát đánh giá dựa trên kết quả của Chương trình với các chỉ số, chỉ tiêu giám sát đánh giá kết quả của các dự án.

Thời gian giám sát đánh giá hiện mới chỉ được quy định là “định kỳ, hàng năm hoặc đột xuất”, nên có quy định cụ thể định kỳ 6 tháng, hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ, và đột xuất”

Trách nhiệm thực hiện giám sát, đánh giá: Cần có vai trò trách nhiệm Ban chỉ đạo cấp xã & vai trò đại diện cộng đồng trong quá trình giám sát đánh giá.

Theo quy định của Quyết định số 41/2016 về cơ chế quản lý điều hành các chương trình MTQG, phần quy định về theo dõi, kiểm tra, đánh giá (Chương V) có quy định về việc CTMTQG phải xây dựng bộ chỉ số đầu ra để theo dõi

(Điều 16) và đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ (điều 18). Cần bổ sung hai nội dung này vào tiêu dự án 10.3.

Với quy mô và phạm vi của Chương trình thì xây dựng hệ thống thông tin quản lý (MIS) được máy tính hóa, áp dụng các phương pháp thu thập thông tin thời gian thực, là cốt lõi của hệ thống GSDG. Nội dung này nên được đưa vào nội dung thực hiện của Tiêu Dự án 3.

(4) Về ngôn ngữ và hình thức văn bản

Dự thảo Chương trình còn thiếu tính đồng nhất về cấu trúc các dự án (ví dụ bối cảnh, mục đích, mục tiêu cụ thể, đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện, tổ chức thực hiện, cơ chế giám sát, đánh giá). Cơ quan tổng hợp và thiết kế chính nên thống nhất cách viết cho tất cả các dự án, rà soát và yêu cầu các cơ quan liên quan trong quá trình soạn thảo tuân thủ một cấu trúc và cách viết cho đồng nhất.

Ngôn ngữ sử dụng trong dự thảo Chương trình và các dự án, tiêu dự án vẫn nặng về “hỗ trợ” mà chưa thể hiện được quan điểm “đầu tư” đã được đưa ra trong Đề án Đầu tư phát triển tổng thể vùng đồng bào DTTS&MN được Quốc hội thông qua ngày 18/11/2019. Đề nghị cơ quan soạn thảo cân nhắc, giảm bớt cụm từ hỗ trợ mà thay bằng các cụm từ khác như “đầu tư, phát triển”.

2. Mạng lưới các Tổ chức Xã hội vì Dinh dưỡng Việt Nam (SUN CSA Việt Nam) (văn bản ngày 26/3/2020)

Từ kinh nghiệm làm việc trực tiếp với các vùng đồng bào DTTS về vấn đề dinh dưỡng, chúng tôi xin trân trọng chia sẻ tới Ban soạn thảo và Hội đồng thẩm tra Đề án 09 khuyến nghị cho nội dung chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ trẻ em như sau:

a) Tính đồng bộ: Các can thiệp của dự án 7 còn thiếu tính kết nối với các dự án tạo ra can thiệp đồng bộ trong tổng thể của đề án. Nếu trạm y tế được xây ở một xã, trong khi dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tư vấn hôn nhân cận huyết và dinh dưỡng thực hiện tại xã khác thì chắc chắn bà mẹ mang thai vẫn sinh ra những trẻ suy dinh dưỡng thấp còi. Theo Tổ chức Y tế thế giới, cần thực hiện đồng bộ 10 can thiệp trong 1000 ngày đầu đời với độ bao phủ 90% ở một cộng đồng mới giảm được 20% tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi.

Khuyến nghị: Toàn bộ các can thiệp của dự án 7 cần chung địa bàn can thiệp (là các tỉnh có tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi và hôn nhân cận huyết cao), và thực hiện đồng bộ trên cùng nhóm đối tượng đích mới đem lại hiệu quả cao và giảm thiểu chi phí.

b) Y tế thôn bản và Cô đỡ thôn bản: Chúng tôi hoan nghênh dự thảo Chương trình MTQG (CTMTQG) đã bổ sung can thiệp hỗ trợ phụ cấp để duy trì mạng lưới cô đỡ thôn bản so với dự thảo Bộ Y tế trình ngày 22/2/2020. Tuy nhiên, tại thời điểm này một số tỉnh miền núi phía bắc đã cắt khoản phụ cấp hỗ trợ đội ngũ y tế thôn bản theo Thông tư số C7/2013/TT-BYT, ngày 8/3/2013 của Bộ y tế, dẫn đến tình trạng đội ngũ y tế thôn bản không tiếp tục công việc của mình, dẫn đến đình trệ các hoạt động y tế tại cộng đồng, ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân nói chung và sức khoẻ bà mẹ trẻ em vùng đồng bào DTTS nói riêng?

Khuyến nghị:

- Tiếp tục hỗ trợ khoản Phụ cấp theo thông tư 07/2013/TT-BYT cho đội ngũ y tế thôn bản và cô đỡ thôn bản, đặc biệt ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

- Ngoài hỗ trợ phụ cấp, hoạt động 1.3 cần bổ sung chương trình đào tạo ngắn hạn và chương trình đào tạo cập nhật định kỳ cho y tế thôn bản và các cô đỡ thôn bản đang làm nhiệm vụ.

c) Sửa học đường: Đề nghị bỏ nội dung sửa học đường ra khỏi hoạt động 3.3 (thuộc dự án 7) do Bộ Y tế quản lý và dự án 9 do Hội phụ nữ quản lý. Cần nhắc việc sử dụng nguồn ngân sách này để triển khai hiệu quả các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em trong 1000 ngày đầu đời.

d) Chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh: Dự án 7 hỗ trợ nhiều kinh phí xây dựng, mua sắm trang thiết bị, đào tạo nhân lực cho Trung tâm y tế (TTYT) và bệnh viện (BV) tại vùng đồng bào DTTS(DTTS). Cần có cơ chế giám sát dựa trên phản hồi người dân để đảm bảo cơ sở y tế cung cấp dịch vụ chất lượng.

Khuyến nghị: Bên cạnh can thiệp mua sắm trang thiết bị cho các TTYT và BV, đề nghị dự án 7 (hoạt động 3) bổ sung chỉ tiêu 100% cơ sở y tế đạt chuẩn "Bệnh viện Thực hành Chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm và Nuôi con sữa mẹ xuất sắc" theo Quyết định số 3451/QĐ-BYT ngày 6/8/2019 và đã được yêu cầu triển khai trong Quyết định số 1896/QĐ-TTg ngày 25/11/2019. Kinh phí triển khai giám sát hỗ trợ đạt chuẩn là 50 triệu/cơ sở y tế/năm.

đ) Truyền thông thay đổi hành vi dựa vào nhóm công đồng: Dự án 7 đề xuất truyền thông dựa vào đài phát thanh, truyền hình, góc tư vấn truyền thông tại trạm y tế xã bằng tiếng dân tộc.

Khuyến nghị: Trong điều kiện nguồn lực hạn chế, đề nghị Dự án 7 (hoạt động 3) ưu tiên truyền thông thay đổi hành vi dựa vào tổ nhóm cộng đồng (hợp

nhóm 1 lần/tháng) và y tế thôn bản tư vấn tại nhà (10 lần tư vấn tại nhà) thay vì truyền thông đại chúng qua ti vi, phát thanh và trạm y tế xã. Cân nhắc áp dụng triển khai các mô hình truyền thông đã được chứng minh hiệu quả bởi các chương trình, dự án trước đây, nhằm đảm bảo tính hiệu quả của can thiệp. Kinh phí thực hiện là 6 triệu/thôn/năm chi cho cán bộ y tế thôn bản duy trì tư vấn tại cộng đồng/nhà và y tế xã/ huyện/ tỉnh giám sát hỗ trợ.

e) Can thiệp với người cao tuổi DTTS: Hoạt động 2.2 về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi chưa có số liệu thuyết minh chỉ rõ những vấn đề của nhóm đối tượng này. Trong bối cảnh nguồn lực hạn chế, chương trình can thiệp với nhiều đối tượng khác nhau mà không có nhóm đích và mục tiêu rõ ràng sẽ dẫn tới kém hiệu quả.

Khuyến nghị: Cân nhắc rà soát lại can thiệp về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

g) Cấp phát lương thực, cháo dinh dưỡng, gói bột đa vi chất cho trẻ: Can thiệp về "cấp phát lương thực, cháo dinh dưỡng, gói bột đa vi chất cho trẻ" có thể dẫn đến cấp phát sản phẩm không phù hợp nhu cầu địa phương hoặc không được cộng đồng sử dụng nếu thiếu truyền thông thay đổi hành vi, điều đó có thể dẫn đến việc sử dụng nguồn lực không hiệu quả và can thiệp không đạt tính bền vững. Ngoài ra, bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai và phụ nữ đang cho con bú cũng là một giải pháp hiệu quả giúp phòng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi ở trẻ.

Khuyến nghị: Thực hiện can thiệp "Cấp phát chế phẩm dinh dưỡng điều trị chuẩn có hướng dẫn của ngành y tế và theo dõi cho trẻ dưới 24 tháng tuổi sau điều trị suy dinh dưỡng cấp tính hoặc suy dinh dưỡng nặng và bổ sung đa vi chất cho phụ nữ mang thai và phụ nữ đang cho con bú" thuộc cộng đồng DTTS tại các xã nghèo. Giáo dục truyền thông thay đổi hành vi về thực hành dinh dưỡng và chăm sóc y tế cho bà mẹ mang thai, phụ nữ đang cho con bú và trẻ em cần được thực hiện song hành cùng các can thiệp dinh dưỡng này.

h) Mô hình nông nghiệp hướng dinh dưỡng: Đề án chưa có can thiệp cải thiện tính sẵn có về lương thực và thực phẩm tại hộ gia đình cũng như can thiệp giảm thiểu tác nhân gây nhiễm khuẩn cho trẻ liên quan đến nước sạch và vệ sinh môi trường gây suy dinh dưỡng thấp còi.

Khuyến nghị: Thực hiện can thiệp sinh kế hộ gia đình như hướng dẫn kỹ thuật canh tác, trồng trọt, chăn nuôi và chế biến thực phẩm giàu dinh dưỡng nhằm giúp các hộ gia đình có phụ nữ mang thai, đang cho con bú và trẻ nhỏ tăng cường khả năng tự sản xuất và duy trì nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng tại hộ

gia đình,. Đảm bảo nước sạch và vệ sinh môi trường tại các hộ gia đình nhằm giảm thiểu các tác nhân gây nhiễm khuẩn giúp dự phòng suy dinh dưỡng ở trẻ.

i) Ngân hàng sữa mẹ (NHSM): Sữa mẹ được Tổ chức Y tế thế giới khuyến cáo là can thiệp giảm suy dinh dưỡng thấp còi hiệu quả. Kết quả ba năm triển khai ở Bệnh viện Phụ sản Nhi Đà Nẵng và Bệnh viện Từ Dũ (TP Hồ Chí Minh) cho thấy từ khi NHSM ra đời, tỷ lệ bú mẹ hoàn toàn tăng 35% và nhận thức về nuôi con bằng sữa mẹ tăng 26%. Tỷ lệ trẻ viêm ruột hoại tử (nguyên nhân hàng đầu của tử vong trẻ sơ sinh) giảm 18%.

Khuyến nghị: Dự án 7 bổ sung nội dung hỗ trợ kinh phí thành lập hai ngân hàng sữa mẹ ở vùng Tây Nguyên và Tây Bắc nhằm cung cấp miễn phí sữa mẹ thanh trùng cho trẻ bệnh lý không tiếp cận sữa mẹ ruột do cách ly điều trị sau năm 2025, sau khi hệ thống y tế thôn bản và y tế xã được hoàn thiện, Kinh phí thiết lập một ngân hàng sữa mẹ là 6 tỷ VND và duy trì miễn phí sữa cho đối tượng trẻ DTTSnguy cơ là 1 tỷ VND/năm.

3. Hội bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam (văn bản số 52/CV-HBVQTE ngày 30/3/2020)

Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030 là chương trình rất có ý nghĩa đối với sự phát triển toàn diện của đồng bào DTTS&MN nói chung và nhóm trẻ em DTTS nói riêng. Hội Bảo vệ quyền trẻ em Việt Nam đã tổng hợp và kính gửi tới quý Đơn vị một số khuyến nghị cho nội dung 9.6. Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN, cụ thể như sau:

➤ Khuyến nghị 1: Điều chỉnh nội dung 9.6 về dự án 8 - Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Tổ chức Girls Not Brides (tạm dịch là Trẻ em gái không phải là cô dâu) bao gồm 1,300 các tổ chức xã hội hoạt động trong lĩnh vực ngăn ngừa kết hôn trẻ em trên toàn cầu đã khuyến cáo để ngăn ngừa nạn kết hôn trẻ em cần bao gồm các can thiệp sau đây:

- Các hoạt động nhằm nâng cao bình đẳng giới và quyền của trẻ em gái
- Huy động gia đình và cộng đồng cùng chung tay giải quyết vấn đề, đặc biệt là lôi cuốn sự tham gia tích cực từ trẻ em trai và nam giới trong cộng đồng
- Cung cấp các chương trình thân thiện và phù hợp với trẻ em gái: bao gồm các chương trình giáo dục chính thức và phi chính thức, giáo dục hướng nghiệp, sức khỏe sinh sản vị thành niên, hỗ trợ phát triển sinh kế cho nữ thanh niên...

- Tăng cường thực thi luật pháp và các chính sách liên quan đến ngăn ngừa tảo hôn và kết hôn trẻ em

➤ Khuyến nghị 2: Bổ sung, điều chỉnh mục tiêu của dự án:

- Điều chỉnh mục tiêu: đề nghị điều chỉnh mốc thời gian “đến năm 2025” thành “đến năm 2030” cho phù hợp với chương trình tổng thể.

- Bổ sung thêm các mục tiêu cụ thể:

• Có nghiên cứu đánh giá toàn diện về thực trạng và nguyên nhân kết hôn sớm.

• Đến năm 2030 không còn trường hợp kết hôn dưới 16 tuổi .

Lý do: Để đảm bảo tính khả thi và đánh giá được kết quả hoạt động thì các mục tiêu nên được lượng giá rõ ràng, cụ thể.

➤ Khuyến nghị 3: Bổ sung nội dung “Nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân tảo hôn và kết hôn cận huyết tại Việt Nam”

➤ Khuyến nghị 4: Bổ sung nội dung thúc đẩy thực thi và truyền thông luật pháp có liên quan

➤ Khuyến nghị 5: Bổ sung làm rõ nội dung hoạt động truyền thông: không chỉ về pháp luật Hôn nhân gia đình mà còn về Bảo vệ trẻ em (nhấn mạnh yếu tố vi phạm pháp luật hình sự trong các trường hợp kết hôn dưới 16 tuổi).

Lý do: Trong các can thiệp truyền thông ngăn ngừa tảo hôn hàng chục năm trở lại đây, những thông tin về quy định độ tuổi kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình liên tục được nhắc lại - người dân đều biết về độ tuổi quy định kết hôn nhưng không thực hiện. Trong khi đó các yếu tố vi phạm pháp luật khác như Luật Hình sự (tội giao cấu với trẻ em) hay Luật Trẻ em thì chưa được quan tâm truyền thông đúng mức.

➤ Khuyến nghị 6: Bổ sung nội dung tăng cường chăm sóc y tế đặc biệt cho nhóm trẻ vị thành niên mang thai kết hợp tăng cường tư vấn, chăm sóc dinh dưỡng cho mẹ và bé.

➤ Khuyến nghị 7: Bổ sung nội dung thúc đẩy các cơ chế dựa vào cộng đồng để giải quyết tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống

➤ Khuyến nghị 8: Cân nhắc nội dung phối hợp liên ngành trong đó điều phối kết nối giữa các dự án khác nhau của Đề án tổng thể để tránh dàn trải và tạo được hiệu quả tốt nhất.